

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Sơ kết 5 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Triển khai Công văn số 376/BNV-CCHC của Bộ Nội vụ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về sơ kết 05 năm (2021 - 2025), đề xuất nhiệm vụ giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết 76/NQ-CP; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

Thực hiện Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 5 năm¹ với nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Trong giai đoạn qua, quá trình thực hiện cải cách hành chính của tỉnh gắn với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm² đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội³, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Để tổ chức sơ kết 05 năm (2021 - 2025), Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương đã tiến hành đánh giá công tác cải cách hành chính trong giai đoạn 2021 - 2025⁴ nhằm ghi nhận những kết quả đạt được, đồng thời, chỉ ra những tồn tại, yếu kém, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các sở, ban, ngành, địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, chi tiết nội dung sau:

¹ Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025.

² Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

³ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025 tập trung vào 5 trụ cột tăng trưởng và 3 khâu đột phá chiến lược.

⁴ Công văn số 2176/UBND-CCKS ngày 19/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Ngay sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025, các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh tới chính quyền địa phương các cấp đã triển khai thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp để đạt các mục tiêu, chỉ tiêu tại các kế hoạch cải cách hành chính mang tính toàn diện, đồng bộ và chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, triển khai kế hoạch cải cách hành chính một cách thiết thực, cụ thể, phù hợp với định hướng chung của tỉnh và thực tiễn của các sở, ban, ngành, địa phương. Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành gần **500 chính sách** và UBND tỉnh đã ban hành với hơn **600 văn bản** chỉ đạo về đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách TTHC, kịp thời giải quyết các nút thắt, điểm nghẽn, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Nhằm nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động thông suốt các nhiệm vụ của Kế hoạch thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 5 năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã **03 lần** kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh⁵ và **hợp nhất** 03 Ban Chỉ đạo⁶ thành “Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bình Định” (Ban Chỉ đạo) do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo. Sở Nội vụ là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo đã tăng cường kết nối, phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách hành chính; tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá, đẩy mạnh tuyên truyền các mô hình hay, sáng kiến đã được triển khai áp dụng trong thời gian qua. Đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn hiện nay, trong tháng 3 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập “Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06” trên cơ sở kiện toàn, tổ chức lại “Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bình Định”. Đồng thời, từ ngày 01/3/2025, chức năng, nhiệm vụ, bộ máy tham mưu công tác cải cách hành chính từ Sở Nội vụ chuyển về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (hợp nhất với Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính và đổi tên thành Phòng Cải cách và Kiểm soát thủ tục hành chính)⁷ nhằm hạn chế tầng nấc trung gian, đặt công tác cải cách hành chính dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trực tiếp và

⁵ Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 24/1/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

⁶ Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số, Ban Chỉ đạo Đề án 06 của tỉnh.

⁷ Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 17/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh Bình Định.

thường xuyên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để phát huy tối đa hiệu lực, hiệu quả công tác cải cách hành chính cùng với công tác kiểm soát thủ tục hành chính phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Bình Định.

Để đánh giá công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương thực chất khách quan, hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai và công bố kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan thuộc UBND; UBND các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (PAR Index)⁸ và kết quả Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định (SIPAS)⁹; qua đó, đã có sự lan tỏa, tạo sự chuyển biến tích cực trong tổ chức triển khai cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành, địa phương. Đã có **100%** các cơ quan ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao các chỉ số với mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể hóa cho từng cá nhân, đơn vị, quy định thời gian hoàn thành; **100%** các địa phương ban hành Kế hoạch triển khai đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn. Nhờ sự quyết tâm của toàn hệ thống chính trị và sự chỉ đạo quyết liệt trong việc cải thiện các chỉ số¹⁰, Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh được Bộ Nội vụ công bố hằng năm có sự cải thiện về kết quả và vị trí xếp hạng so với các tỉnh, thành phố trên cả nước. Cụ thể: PAR Index (năm 2021 đạt 86,70% xếp vị thứ 30; năm 2022 đạt 85,03% xếp vị thứ 33; năm 2023 đạt 87,29% xếp vị thứ 31, 2024 đạt 89,10% xếp vị thứ 25), SIPAS (năm 2021 đạt 87,67% xếp vị thứ 23; năm 2022 đạt 81,78% xếp vị thứ 21; năm 2023 đạt 83,73% xếp vị thứ 20, 2024 đạt 84,22% xếp vị thứ 23).

Trong tháng 5 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác cải cách hành chính giai đoạn 2020 - 2025 nhằm đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế trong thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh trong 5 năm qua; từ đó, xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030. Đặc biệt, tại Hội nghị đã giao **357 nhiệm vụ**¹¹ cụ thể cần thực hiện của từng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các địa phương nhằm khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế và phát huy cao nhất hiệu quả, kết quả các chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI trong thời gian tới.

Công tác thi đua khen thưởng trong giai đoạn này được quan tâm, chú

⁸ Quyết định số 3718/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

⁹ Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh.

¹⁰ Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 05/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh Bình Định đến năm 2025; Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2023 – 2025; Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 08/06/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023; Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 05/07/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải thiện, nâng cao kết quả Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAR INDEX và Chỉ số PCI của tỉnh Bình Định đến năm 2025;

¹¹ Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh phê duyệt Khung danh mục nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện chỉ số SIPAS, chỉ số PAR INDEX, chỉ số PAPI

trọng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phát động phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025¹², qua đó, đã kịp thời biểu dương những tấm gương là tập thể, cá nhân¹³ xuất sắc với nhiều sáng kiến đem lại hiệu quả, tạo sự lan tỏa thúc đẩy công cuộc cải cách hành chính trên toàn tỉnh. Từ năm 2021 đến nay, các tập thể duy trì dẫn đầu công tác cải cách hành chính như Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn. Các mô hình đã tạo được dấu ấn trong lòng người dân, điển hình như: Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn triển khai “Thứ Ba - ngày không viết”, “Thứ Năm - ngày không hẹn”; Ủy ban nhân dân phường Bình Định, thị xã An Nhơn với mô hình “Ngày thứ Sáu không hẹn”; Ủy ban nhân dân các xã thuộc huyện Tây Sơn mạnh dạn xây dựng và triển khai thực hiện một số mô hình mới: “Công dân không viết gắn với dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết TTHC” (xã Tây An), “Ngày thứ Sáu phục vụ nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC tại nhà đối với đối tượng yếu thế trên địa bàn xã” (xã Tây Vinh), “Chính quyền thân thiện, ngày không chờ gắn với dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết TTHC phục vụ người dân” (xã Tây Giang); Ủy ban nhân dân huyện An Lão triển khai và nhân rộng mô hình “Ngày thứ 5, không hẹn, không viết”; Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn triển khai mô hình “Ngày Thứ Sáu không hẹn”; các địa phương nhân rộng mô hình “Hành chính phục vụ người dân”; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang thử nghiệm “Nhật ký điện tử trong khai thác thủy sản” để hỗ trợ việc chống khai thác hải sản bất hợp pháp không báo cáo, không theo quy định tại Bình Định; Một số giải pháp đem lại hiệu quả như: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai áp dụng biên lai, hóa đơn điện tử thay thế cho biên lai, hóa đơn giấy tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và 100% Bộ phận Một cửa cấp huyện, 100% Bộ phận Một cửa cấp xã; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Phương án tái cấu trúc quy trình thực hiện 3 thủ tục Giao dịch bảo đảm tổng thời gian thực hiện toàn bộ quy trình giải quyết không quá 06 (sáu) giờ làm việc; các cơ quan liên ngành đã phối hợp xây dựng và triển khai thực hiện Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh Bình Định rút ngắn xuống chỉ còn 118 ngày; Sở Tài chính triển khai Thủ tục cấp mã số quan hệ ngân sách; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội xây dựng giải pháp nâng cao tỷ lệ người lao động sử dụng dịch vụ công trực tuyến nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; Cục Hải quan tỉnh đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động nhằm mục tiêu nâng cao mức độ hài lòng của doanh nghiệp.

2. Kiểm tra việc thực hiện

Công tác kiểm tra, giám sát được chú trọng, triển khai tổ chức kiểm tra định kỳ, duy trì hoạt động có nền nếp để đánh giá kết quả thực hiện, theo dõi, nắm bắt tình hình triển khai của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Ban Chỉ đạo đã tiến hành kiểm tra, làm việc về cải cách hành chính tại một số địa phương

¹² Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh

¹³ Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 01/3/2023, Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 26/2/2024, Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 07/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 13/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

gồm: Tuy Phước, An Nhơn, Hoài Nhơn, Quy Nhơn, Vân Canh, Phù Cát; Hoài Ân, An Lão, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Phù Mỹ¹⁴. Kết thúc hoạt động kiểm tra, Trưởng Ban Chỉ đạo đã ban hành Thông báo kết luận nêu rõ những tồn tại, hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện, đồng thời chỉ đạo khắc phục gắn với việc thường xuyên phúc tra kết quả khắc phục¹⁵. Cùng với đó, hằng năm Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức kiểm tra các nội dung cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức; thanh tra, kiểm tra chuyên đề công tác cải cách TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Trong giai đoạn 2021 - 2025, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra cải cách hành chính kiểm tra¹⁶ với **250 lượt** tại cơ quan, đơn vị, địa phương; Tổ công tác về kiểm tra công vụ tỉnh đã tiến hành kiểm tra công vụ đối với **252 lượt** cơ quan, đơn vị, địa phương; các cấp ủy và chính quyền các địa phương cấp huyện đã tiến hành kiểm tra hơn **400 lượt** các đơn vị trực thuộc. Qua đó đã đánh giá, làm rõ kết quả triển khai công tác cải cách hành chính, kịp thời hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính.

3. Thông tin, tuyên truyền

Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm, phối hợp, đẩy mạnh triển khai bằng nhiều hình thức và nội dung phong phú, đa dạng. Bên cạnh đó, nhiều sở, ngành, địa phương đã sử dụng các mạng xã hội (zalo, facebook, youtube,...) để tổ chức thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính, qua đó giúp đa dạng hóa, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền; tạo sự thống nhất về nhận thức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động của các cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, công chức, viên chức, người dân; đồng thời, tạo sự đồng thuận, ủng hộ, hưởng ứng của người dân, doanh nghiệp đối với các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước về cải cách hành chính và Chương trình hành động.

Trên cơ sở Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính của tỉnh hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Kế hoạch và tổ chức các hình thức truyền thông tại chuyên trang, chuyên mục của các cơ quan truyền thông của tỉnh và trên các nền tảng chuyển đổi số, tuyên truyền các cơ quan truyền thông, các ứng dụng nền tảng số, tiếp tục duy trì, phát triển chuyên mục Cải cách hành chính trên Trang Xây dựng Đảng - chính quyền Báo Bình Định; phát sóng định kỳ mỗi phóng sự hằng tuần chuyên mục Cải cách hành chính trên Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định với hơn **500 bản tin** chuyên đề, các

¹⁴ Kế hoạch kiểm tra 01-KH/BCĐ ngày 22/6/2022. Kế hoạch kiểm tra 03-KH/BCĐ ngày 12/5/2023, Kế hoạch kiểm tra 04-KH/BCĐ ngày 29/07/2024 của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09/CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy về "Cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025".

¹⁵ Thông báo số 03-TB/BCĐ ngày 31/01/2023, Thông báo số 04-TB/BCĐ ngày 31/01/2023, Thông báo số 05-TB/BCĐ ngày 08/3/2023 của Ban Chỉ đạo.

¹⁶ Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh: Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 28/7/2021, Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 21/12/2021, Kế hoạch số 707/QĐ-UBND ngày 09/3/2023, Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 04/4/2024.

mô hình cải cách hành chính, tổ chức cuộc thi cải cách hành chính;...

Đặc biệt, để đổi mới trong công tác tuyên truyền CCHC, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 01/7/2024 tổ chức Cuộc thi tìm hiểu CCHC tỉnh Bình Định năm 2024 - Chủ đề “Vì Nhân dân phục vụ”. Cuộc thi có sự tham dự của **31 đội** đến từ các cơ quan, đơn vị, địa phương với hơn **200** cán bộ, công chức, viên chức dự thi, thu hút gần **1000 người** tham dự, thông qua Cuộc thi đã tạo ra một sân chơi bổ ích cho cán bộ, công chức, viên chức, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ trong công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC trên địa bàn tỉnh.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

a) Mặt tích cực đạt được

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, địa phương ngày càng quyết liệt đối với công tác cải cách hành chính, nhất là đối với công tác cải cách TTHC; công tác kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện các nội dung công tác cải cách hành chính ngày càng được cụ thể, rõ nội dung, rõ việc, rõ thời gian, cơ quan, đơn vị thực hiện, ngày càng mang lại hiệu quả rõ nét.

Nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhất là quần chúng nhân dân về cải cách hành chính tiếp tục được nâng lên, phối hợp tích cực cùng chính quyền các cấp trong thực hiện TTHC trực tuyến.

Người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền, địa phương, cơ quan, đơn vị đã thể hiện sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp cải thiện, nâng cao các chỉ số cải cách hành chính gắn với việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của ngành, địa phương. Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh; công tác tuyên truyền có nhiều đổi mới trong phương pháp, cách làm trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin và các nền tảng chuyển đổi số, qua đó đã nhanh chóng nhân rộng, lan tỏa các mô hình, cách làm hay, sáng kiến trong cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thiếu quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, chưa quyết tâm, quyết liệt tổ chức triển khai thực hiện. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai cải cách hành chính của không ít cơ quan, đơn vị, địa phương (nhất là tại cấp xã) còn hình thức, chưa cụ thể, chưa bám sát thực tiễn, nhiệm vụ chưa phù hợp với phạm vi thẩm quyền quản lý.

Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát cải cách hành chính chưa thật sự quyết liệt để tạo sự răn đe đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân không thực hiện hiệu quả nhiệm vụ cải cách hành chính. Hoạt động kiểm tra công vụ có lúc, có nơi còn biểu hiện chạy theo thành tích, số lượng mà chưa chú trọng đổi mới phương pháp. Công tác tuyên truyền chưa có nhiều đổi mới mạnh mẽ trong nội

dung và phương thức truyền tải.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả đạt được

a) Về tình hình triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật: Các cấp ủy Đảng, chính quyền trên địa bàn tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời triển khai, tham mưu cụ thể hóa các quy định của Trung ương, hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh, tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đã đề ra.

Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời ban hành văn bản để cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương; tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội, trọng tâm là chính sách về bồi thường giải phóng mặt bằng, khuyến khích, thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ xúc tiến thương mại, các quy định về phân cấp, ủy quyền, các quy định về cơ chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính, quản lý nhà nước¹⁷;

b) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật: Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo đúng các quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo, đánh giá tác động, lấy ý kiến tham gia của các tổ chức, cơ quan, đơn vị và nhân dân, hạn chế thấp nhất tình trạng văn bản trái luật, trái thẩm quyền. Công tác kiểm tra, rà soát văn bản được quan tâm thực hiện thường xuyên hàng năm theo kế hoạch, qua đó đã kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản đã hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp, bảo đảm cho hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được đồng bộ, thống nhất; những hạn chế, thiếu sót trong công tác soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh từng bước được khắc phục¹⁸.

c) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhất là việc thi hành pháp luật về đầu tư, kinh doanh, thuế, hải quan, đất đai, xây dựng, tài nguyên, môi trường, lao động, bảo hiểm xã hội, xử lý vi phạm hành chính... từng bước được tăng cường, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đã góp phần quan trọng nâng cao ý thức pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cán bộ và nhân dân, hạn chế đơn thư khiếu nại, ổn định tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương.

¹⁷ Từ 2021 đến tháng 4/2025: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp đã ban hành 1.453 văn bản quy phạm pháp luật.

¹⁸ Năm 2021 kiểm tra 58 văn bản QPPL; năm 2022 kiểm tra 67 văn bản QPPL; 6 tháng đầu năm 2023 kiểm tra 34 văn bản QPPL theo thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành và triển khai Quyết định số 87/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 quy định thực hiện công khai minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định; ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 09/02/2021 về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; vận hành, khai thác, sử dụng hiệu quả Trang Thông tin điện tử phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Vẫn còn một số văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được các cấp có thẩm quyền ở Trung ương kiểm tra, đánh giá vi phạm quy định của Nhà nước và không thuộc phạm vi thẩm quyền. Công tác theo dõi thi hành pháp luật gắn với rà soát văn bản quy phạm pháp luật chưa được quan tâm đúng mức để kịp thời tham mưu, đề xuất, kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Chất lượng xây dựng một số chính sách, văn bản quy phạm pháp luật còn thấp, thiếu tính khả thi, gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Chưa có nhiều chính sách mang tính đột phá, thúc đẩy cải cách hành chính mạnh mẽ, tạo thành điểm nhấn, động lực để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được

a) Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành

Xác định công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) là nội dung trọng tâm của cải cách hành chính, là khâu đột phá nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, giảm chi phí và rút ngắn tối đa thời gian giải quyết TTHC, phục vụ kịp thời yêu cầu của người dân, tổ chức và doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành và triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách TTHC nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng của công tác kiểm soát TTHC gắn với giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và công tác cải cách TTHC. Trong nhiệm kỳ, UBND tỉnh đã ban hành 08 quy định nhà nước¹⁹ (trong đó có 05 Quyết định quy phạm pháp luật),...

¹⁹ Quy định việc tổ chức thu phí, lệ phí và các khoản thu dịch vụ khác trong giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quyết định số 63/2019/QĐ-UBND ngày 17/12/2019), Quy chế hoạt động Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh (Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 25/5/2020), Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 20/11/2020), Quy chế hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09/2/2021), Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định liên quan đến công tác kiểm soát TTHC, giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, “Quy chế thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu số hóa trong công tác giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh” (Quyết định số 4313/QĐ-UBND ngày 16/12/2024), “Quy định về lấy ý kiến của người dân, doanh nghiệp đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh” (Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 11/12/2024), Quyết định ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp và thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2025 – 2030

04 Đề án²⁰, 06 Kế hoạch chuyên đề²¹ và 01 Chỉ thị²² để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC gắn với đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; ban hành 449 Quyết định công bố Danh mục với 4.180 TTHC (trong đó ban hành mới 755 TTHC; sửa đổi, bổ sung 2.565 TTHC; thay thế 186 TTHC; bãi bỏ 674 TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành và thực hiện việc công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định; ban hành 286 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 558 TTHC liên thông và 860 TTHC không liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành;...Ngoài ra, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành hơn 1000 công văn để chỉ đạo, điều hành công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết hồ sơ TTHC.

b) Về kiểm soát thủ tục hành chính

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo các quy định của Chính phủ: Công tác cải cách TTHC được chỉ đạo thực hiện quyết liệt; trong 05 năm qua, đã thông qua phương án đơn giản hóa 152 TTHC²³ với số tiền tiết kiệm được sau khi đơn giản hóa ước tính hơn 59 tỷ đồng/năm; thông qua phương án tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết 13 TTHC, cắt giảm khâu trung gian không cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ²⁴; phê duyệt 02 phương án quan trọng về tái cấu trúc quy trình thực hiện 03 TTHC “Giao dịch bảo đảm” và phương án tái cấu trúc quy trình TTHC “Chứng thực bản sao từ bản chính” để cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần; kiến nghị các bộ, ngành Trung ương rà soát, điều chỉnh việc công khai TTHC, xem

(Quyết định số 4492/QĐ-UBND ngày 27/12/2024).

²⁰ Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2022-2027” (Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 30/12/2021), Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh” (Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 20/12/2022), Đề án “Đổi mới và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bình Định” (Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 30/12/2022), Đề án “Đẩy mạnh chuyển đổi số tại Văn phòng UBND tỉnh nhằm nâng cao công tác phục vụ cho hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh (Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 16/5/2023).

²¹ Kế hoạch thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh Bình Định (Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 01/06/2020), Kế hoạch thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính” (Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 12/11/2021); Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025 (Quyết định số 3973/QĐ-UBND ngày 29/11/2022); Kế hoạch triển khai công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã (Quyết định số 4023/QĐ-UBND ngày 02/12/2022), Kế hoạch triển khai mô hình “Hành chính phục vụ người dân” trên địa bàn tỉnh Bình Định (Quyết định số 4900/QĐ-UBND ngày 28/12/2023), “Khung danh mục nhiệm vụ thực hiện Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp” và ban hành “Kế hoạch cải thiện, nâng cao kết quả Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh” (Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 12/10/2024 Chủ tịch UBND tỉnh).

²² Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 04/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, cải thiện chất lượng dịch vụ công trực tuyến gắn với đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hành chính cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

²³ Bao gồm: 12 thủ tục hành chính đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ, 140 thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết.

²⁴ UBND tỉnh đã phê duyệt quy trình nội bộ được tái cấu trúc đối với 13 TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Sở: Nội vụ (01 TTHC), Du lịch (06 TTHC), Nông nghiệp và PTNT (05 TTHC), Tư pháp (01 TTHC).

xét đơn giản hóa, cắt giảm TTHC, thành phần hồ sơ và cho phép địa phương thực hiện thí điểm giảm thành phần hồ sơ²⁵.

Để triển khai thực hiện hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và đời sống người dân, bảo đảm giảm ít nhất 50% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 50% chi phí tuân thủ, trong đó tập trung cắt giảm thời gian của những thủ tục hành chính có phát sinh nhiều giao dịch hồ sơ, ưu tiên đối với những trường hợp có thời gian giải quyết dài ngày; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 02 Thông báo kết luận²⁶ và 03 văn bản²⁷ và 01 Quyết định²⁸ Thông qua Phương án cắt giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ 407 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Việc rà soát, thống kê và đơn giản hóa các thủ tục nội bộ theo quy định: Công bố, công khai các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước: Kể từ khi triển khai Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành theo thẩm quyền nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện. Đến nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 56 Quyết định công bố 648 thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước (đạt tỷ lệ 100%) theo danh mục đề xuất của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 5990/VPCP-KSTT ngày 22 tháng 8 năm 2024 và đã thực hiện công khai các thủ tục hành chính nội bộ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt 05 Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa 48 thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định; ban hành 04 văn bản thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trên các lĩnh vực: Kiểm soát thủ tục hành chính, Quản lý công sản, Văn hóa - xã hội, Xây dựng.

- Việc thực hiện phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện việc rà soát, đánh giá và đề xuất phương án phân cấp giải quyết TTHC theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1104/TTg-KSTT ngày 25 tháng 8 năm 2021; qua đó, đã đề xuất phân cấp 427

²⁵ Ban hành 09 văn bản kiến nghị Bộ, ngành Trung ương rà soát, điều chỉnh việc công khai 118 TTHC theo “NGÀY” hoặc “NGÀY LÀM VIỆC” theo đúng quy định của văn bản quy phạm pháp luật; ban hành Công văn số 3236/UBND-KSTT ngày 22 tháng 5 năm 2023 kiến nghị 10 Bộ, ngành Trung ương công bố theo thẩm quyền đối với 65 TTHC có yêu cầu người dân nộp bản sao CMND hoặc CCCD; nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu giấy, Sổ tạm trú giấy hoặc giấy xác nhận cư trú; ban hành 05 văn bản kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương (Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp) xem xét đơn giản hóa, cắt giảm TTHC, thành phần hồ sơ và cho phép địa phương thực hiện thí điểm giảm thành phần hồ sơ.

²⁶ Thông báo kết luận 139/TB-UBND ngày 03/04/2025 và Thông báo kết luận 151/TB-UBND ngày 10/04/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và 03 văn bản (Công văn số 2135/UBND-CCKS ngày 19/3/2025, Công văn số 286/VPUBND-CCKS ngày 04/4/2025, Công văn số 310/VPUBND-CCKS ngày 14/4/2025).

²⁷ Công văn số 2135/UBND-CCKS ngày 19/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Công văn số 286/VPUBND-CCKS ngày 04/4/2025, Công văn số 310/VPUBND-KSTT ngày 14/4/2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

²⁸ Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 24/04/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

TTHC trong tổng số 2.638 TTHC đã thực hiện rà soát (chiếm tỷ lệ 16,19%), bao gồm: 392 TTHC đề nghị phân cấp không kèm theo các điều kiện bảo đảm khác, 35 TTHC đề nghị phân cấp kèm theo các điều kiện bảo đảm khác, số TTHC không đề nghị phân cấp: 2.211 TTHC. Từ năm 2021 đến nay, địa phương có 41 TTHC ủy quyền giải quyết và 17 TTHC phân cấp giải quyết.

c) Công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ. Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng dịch vụ công của tỉnh và khai thác, sử dụng Cổng dịch vụ công quốc gia: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (Hệ thống VNPT-iGate) đã hoàn thành việc tích hợp, kết nối với 24 cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ, ngành, địa phương phục vụ cho công tác giải quyết TTHC; triển khai có hiệu quả 02 nhóm dịch vụ công liên thông “Khai sinh – khai tử” theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ và triển khai thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua ứng dụng VNeID theo yêu cầu của Bộ Tư pháp; phối hợp với các cơ quan liên quan kết nối Hệ thống VNPT – iGate với Hệ thống đăng ký, quản lý Hộ tịch của Bộ Tư pháp thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để triển khai quy trình đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến.

Đến nay 100% TTHC đã khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngoài ra, đã thiết lập 107 dịch vụ công trực tuyến cho phép người dân khai thác, sử dụng lại thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong quá trình nộp hồ sơ trực tuyến, trong đó bao gồm những dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06; ban hành **05** “Quy chế liên thông TTHC” theo hướng tiếp nhận đồng thời, giải quyết song song các hồ sơ TTHC có liên quan²⁹ để giúp người dân, doanh nghiệp hạn chế tối đa việc đi lại, tiết kiệm chi phí, thời gian thực hiện hồ sơ TTHC; theo đó “Quy chế phối hợp giải quyết các TTHC về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh” có tổng thời gian giải quyết tất cả các TTHC của dự án ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp còn **118 ngày** (quy định là 242 ngày) và các dự án trong khu kinh tế, khu công nghiệp còn **60 ngày** (quy định là 145 ngày).

d) Việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Công tác cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để nâng cao

²⁹ Bao gồm: Quy chế thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính Đăng ký hộ kinh doanh và Đăng ký thuế của hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Định (ban hành kèm theo Quyết định số 60/2020/QĐ-UBND ngày 28/8/2020), Quy định thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính Cấp Phiếu lý lịch tư pháp - Cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; Cấp Phiếu lý lịch tư pháp - Cấp Chứng chỉ hành nghề được trên địa bàn tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 64/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021), Quy chế phối hợp thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính Cấp phiếu lý lịch tư pháp - Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022), Quy chế thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính, cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn tỉnh Bình Định (ban hành kèm theo Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 02/12/2022), Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 4147/QĐ-UBND ngày 09/11/2023)..

chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến; đã cung cấp **1.103** dịch vụ công trực tuyến toàn trình (đạt tỷ lệ 52,7%/Tổng số TTHC), cung cấp **806** dịch vụ công trực tuyến một phần (đạt tỷ lệ 38,5%/Tổng số TTHC), còn lại **183** TTHC (chiếm tỷ lệ 8,74%/Tổng số TTHC) chưa thể triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần do vướng kiểm tra thực địa, yêu cầu sự hiện diện của người nộp hồ sơ hoặc kết quả hồ sơ TTHC phải thao tác trực tiếp trên bản giấy; đồng thời cung cấp **585** TTHC có quy định thu phí, lệ phí được cung cấp thanh toán trực tuyến (đạt 100%) trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh và tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia; HĐND tỉnh ban hành chính sách miễn, giảm phí, lệ phí khi nộp hồ sơ theo phương thức trực tuyến đối với **53** TTHC; ban hành danh mục **161** TTHC chỉ nhận hồ sơ trực tuyến, không nhận hồ sơ giấy; triển khai Đề án “Phát huy vai trò của Đoàn viên, thanh niên trong công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2026” và đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đóng góp chung vào sự chuyển biến về kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến và chuyển đổi số của tỉnh; cấp 136.397 chữ ký số công cộng cho người dân, doanh nghiệp; triển khai Dịch vụ “Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính” trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, theo đó 100% kết quả điện tử các loại tài liệu giấy tờ chứng thực được lưu trữ trên Hệ thống, đồng thời lưu trữ tại kho dữ liệu cá nhân, tổ chức để phục vụ công tác tái sử dụng TTHC.

- Tình hình, kết quả thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Công tác giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục thực hiện có hiệu quả³⁰; Cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh tiếp tục được hoàn thiện, đổi mới và triển khai đồng bộ Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bình Định” (gọi tắt là: Đề án BCCI) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện. Theo đó, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện chuyển giao cho doanh nghiệp bưu chính công ích (BCCI) đảm nhận nhiệm vụ “hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC”³¹. Kết quả việc triển khai Đề án BCCI đã tinh gọn bộ máy làm việc, trong đó Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh bố trí 14 nhân viên bưu điện thay thế cho 24 công chức, viên chức các sở, ban (giảm 10 người làm việc so với thời điểm trước chuyển giao); Bộ phận Một cửa cấp huyện bố trí 35 nhân viên bưu điện thay cho 70 công chức, viên chức các phòng, ban (giảm 35 người làm việc so với thời điểm trước chuyển giao); triển khai mô hình “Hành chính phục vụ người dân” nhằm đổi mới phương thức hoạt

³⁰ UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 02/4/2021 về sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và kết quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 4023/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 ban hành Kế hoạch triển khai công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

³¹ Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh”.

động của các cơ quan nhà nước theo hướng chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin về nhu cầu của người dân để hỗ trợ, phục vụ người dân thực hiện TTHC; chỉ đạo quyết liệt, triển khai nhiều giải pháp siết chặt kỷ luật, kỷ cương, chấn chỉnh việc giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; trong đó có giải pháp định kỳ hằng tháng công khai danh sách các tổ chức, cá nhân giải quyết chậm/muộn hồ sơ TTHC kể từ tháng 4/2022³². Nhờ đó, tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trước, đúng hạn của toàn tỉnh được cải thiện dần qua các năm³³...

- Kết quả giải quyết TTHC của các cấp: Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là: 2.208.045 hồ sơ, trong đó bao gồm: 2.200.942 hồ sơ tiếp nhận mới (có 1.062.480 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, 1.138.462 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích), 7.103 hồ sơ tiếp nhận từ kỳ trước chuyển qua.

+ Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 2.194.658 hồ sơ, trong đó bao gồm: 2.083.926 hồ sơ giải quyết trước hạn, 102.551 hồ sơ giải quyết đúng hạn, 8.181 hồ sơ giải quyết trễ hạn.

+ Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 13.375 hồ sơ, trong đó bao gồm: 13.044 hồ sơ còn trong hạn, 331 hồ sơ quá hạn.

- Kết quả thực hiện lấy ý kiến đánh giá của người dân, tổ chức khi giải quyết TTHC; kết quả về mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về giải quyết TTHC

+ Năm 2022: Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị 95%; Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC 95,18%; Điểm đánh giá 17,7/18 điểm.

+ Năm 2023: Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị 95%; Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC 96,50%; Điểm đánh giá 17,7/18 điểm.

+ Năm 2024: Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị 91%; Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC 99,23%; Điểm đánh giá 17,5/18 điểm.

+ Năm 2025 (Từ ngày 1/1/2025 đến tháng 5/2025): Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị 93%; Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC 96,03%; Điểm đánh giá 17,6/18 điểm.

- Tình hình triển khai thực hiện số hoá kết quả và hồ sơ giải quyết TTHC; kết quả khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hoá: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC³⁴ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó, Văn phòng Ủy ban nhân dân

³² Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh”.

³³ Năm 2021: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết và trả kết quả đúng và trước hạn: Cấp tỉnh đạt 99,75%, cấp huyện đạt 98,91% và cấp xã đạt 98,77%; Năm 2022: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết và trả kết quả đúng và trước hạn: Cấp tỉnh đạt 99,95%, cấp huyện đạt 99,79% và cấp xã đạt 99,70%; Năm 2023: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết và trả kết quả đúng và trước hạn: Cấp tỉnh đạt tỷ lệ 99,95%, cấp huyện đạt 99,86%, cấp xã 99,91%; Năm 2024: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết và trả kết quả đúng và trước hạn: Cấp tỉnh đạt 99,96%, cấp huyện đạt 99,76%, cấp xã 99,85%; 3 tháng đầu năm 2025: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết và trả kết quả đúng và trước hạn: Cấp tỉnh đạt 99,96%, cấp huyện đạt 99,65%, cấp xã 99,93%.

³⁴ Quyết định số 4023/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

tỉnh đã ban hành Công văn số 223/VPUBND-KSTT ngày 13 tháng 01 năm 2023 hướng dẫn quy trình số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. Từ năm 2023 đến ngày 31/3/2025, tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ của cả tỉnh đạt 87% (bao gồm: cấp tỉnh đạt 92,93%; cấp huyện đạt 87,36%, cấp xã đạt 84,69%); tỷ lệ cấp kết quả điện tử cả tỉnh đạt 97,2% (bao gồm: cấp tỉnh đạt 97,79%, cấp huyện đạt 95,42%, cấp xã đạt 98,12%); tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hoá của cả tỉnh đạt 47,1% (bao gồm: cấp tỉnh đạt 26,74%; cấp huyện đạt 48,27%, cấp xã đạt 58%).

e) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân về giải quyết thủ tục hành chính: Từ năm 2021 đến nay, Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Công Dịch vụ công quốc gia đã tiếp nhận 1.057 phản ánh, kiến nghị. Theo đó, đã xử lý và công khai đúng hạn: 1.045 phản ánh, kiến nghị; đang xử lý: 12 phản ánh, kiến nghị (không có phản ánh, kiến nghị trễ hạn/quá hạn).

g) Công tác truyền thông và sáng kiến, mô hình, giải pháp cải cách thủ tục hành chính: Hằng năm, các cấp ủy Đảng, chính quyền, địa phương ban hành Kế hoạch và tổ chức các hình thức truyền thông về công tác cải cách hành chính tại chuyên trang, chuyên mục của các cơ quan truyền thông của tỉnh và trên các nền tảng chuyển đổi số, tuyên truyền các cơ quan truyền thông, các ứng dụng nền tảng số, tiếp tục duy trì, phát triển chuyên mục Cải cách hành chính trên Trang Xây dựng Đảng - chính quyền Báo Bình Định; phát sóng định kỳ mỗi phóng sự hằng tuần chuyên mục Cải cách hành chính trên Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, các mô hình cải cách hành chính, tổ chức cuộc thi cải cách hành chính;... Bên cạnh đó, nhiều sở, ngành, địa phương đã sử dụng các mạng xã hội (zalo, facebook, youtube,...) để tổ chức thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính, qua đó giúp đa dạng hóa, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền; tạo sự thống nhất về nhận thức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động của các cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, công chức, viên chức, người dân; đồng thời, tạo sự đồng thuận, ủng hộ, hưởng ứng của người dân, doanh nghiệp đối với các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước về cải cách hành chính và Chương trình hành động 09 của Tỉnh ủy. Công tác truyền thông, thúc đẩy chuyển đổi số được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức đa dạng, đặc biệt, năm 2023, tỉnh Bình Định được chọn đăng cai tổ chức Hội thảo Hợp tác phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông (CNTT-TT) Việt Nam lần thứ 24; góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số và kết nối, chia sẻ trong xu hướng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, góp phần xây dựng Chính quyền điện tử hiện đại, đồng bộ, đẩy mạnh cải cách hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

UBND tỉnh phê duyệt Quyết định số 4900/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 ban hành Kế hoạch triển khai mô hình “Hành chính phục vụ người dân” trên địa bàn tỉnh. Nội dung chủ yếu của Kế hoạch này là thí điểm mô hình Hội Phụ nữ và Đoàn Thanh niên cấp xã phối hợp, chủ động nắm bắt thông tin, phục vụ người dân làm dịch vụ công trực tuyến tại nhà đối với các thủ tục “khai sinh, khai tử, đăng ký kết hôn”; sau đó chính quyền địa phương tổ chức trao kết quả và gửi kèm theo Thư chúc mừng (đối với hỷ sự) hoặc Thư chia buồn (đối với tang gia). Đến nay, đã có 11/11 địa phương xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.

Theo đó, kết quả từ năm 2024 đến Quý I năm 2025, lãnh đạo địa phương đã trao tận tay đến người dân 8.326 thư chúc mừng khai sinh “gia đình có thêm thành viên mới”, 3.937 thư chúc mừng kết hôn các cặp đôi “đã chính thức trở thành vợ chồng” và 4.255 trường hợp được trao thư chia buồn “cùng gia đình có người thân” đã mất. Bên cạnh đó, một số địa phương còn thiết lập các kênh thông tin như facebook, zalo để tuyên truyền, tạo sự lan tỏa trên địa bàn và được người dân địa phương đánh giá cao, vui mừng, phấn khởi khi Nhà nước triển khai mô hình này.

Trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng nội dung, phương pháp đánh giá, chấm điểm đối với 06 chỉ số thành phần thuộc “Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp” và các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác quản lý, hoạt động nghiệp vụ trên các lĩnh vực: (i) kiểm soát thủ tục hành chính, (ii) giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, (iii) công tác số hóa, tái sử dụng dữ liệu số hóa phục vụ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, (iv) cung cấp dịch vụ công trực tuyến và (v) xử lý phản ánh, kiến nghị; Văn phòng UBND tỉnh đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 12/10/2024 Phê duyệt “Khung danh mục nhiệm vụ thực hiện Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp” với 28 nhiệm vụ khung là những công việc mang tính nền tảng, cốt lõi, có giá trị sử dụng lâu dài, gắn với hướng dẫn khắc phục tồn tại, hạn chế, nâng cao chất lượng thực thi công vụ trên các lĩnh vực thuộc phạm vi đánh giá của “Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp”. Theo đó, “Khung danh mục nhiệm vụ” yêu cầu từng cơ quan, đơn vị, địa phương (cho đến cấp xã) cần tổ chức triển khai thực hiện trong năm 2024 và trong thời gian tới để cải thiện từng chỉ số thành phần thuộc “Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp”. Cùng với đó, mỗi cơ quan, đơn vị phải có trách nhiệm chi tiết hóa, bổ sung thêm các nhiệm vụ khác để tổ chức triển khai thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị.

Từ đó góp phần giúp cho “Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp” chung của tỉnh đạt được kết quả như kỳ vọng của UBND tỉnh³⁵. Đồng thời, sẽ có tác động lan tỏa, tích cực đến kết quả của các chỉ số khác liên quan đến công tác cải cách hành chính như: Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và “Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương” (Chỉ số PII).

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại cấp xã còn chậm đổi mới; vẫn còn tình trạng giải quyết hồ sơ TTHC trễ hẹn trên những lĩnh vực thiết yếu liên quan đến người dân, doanh nghiệp; chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến còn không ít tồn tại, hạn chế; tỷ lệ hồ sơ giao

³⁵ Nhờ đó, kết quả đánh giá “Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp”, tỉnh Bình Định luôn thuộc **nhóm “Xuất sắc”** và duy trì vị trí **dẫn đầu** cả nước, Năm 2023 tỉnh Bình Định đạt 90,35 điểm, xếp vị trí thứ 01/63 tỉnh, thành phố, là địa phương duy nhất thuộc nhóm “Xuất sắc”; năm 2024 Bình Định đạt 91,38 điểm, xếp vị trí thứ 01/63 tỉnh, thành phố, cùng với Cà Mau là 02 địa phương thuộc nhóm “Xuất sắc” vì có điểm số trên 90.

dịch trực tuyến toàn trình chưa đảm bảo chỉ tiêu theo yêu cầu của Khoa học và Công nghệ; vẫn còn nhiều TTHC thiết yếu, phát sinh nhiều giao dịch chưa được quan tâm, nghiên cứu, tái cấu trúc đảm bảo cho việc thực hiện trực tuyến; phần lớn người dân còn phụ thuộc vào sự hướng dẫn, hỗ trợ để hoàn thành việc nộp hồ sơ trực tuyến mà chưa thể tự mình thực hiện từ xa, tại nhà.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Kết quả đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện

Đẩy mạnh việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, số lượng các chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), các quy định và văn bản hướng dẫn thực hiện của Trung ương. Kết quả:

+ Kết quả sắp xếp kể từ khi thực hiện Chương trình hành động 09 đến tháng 12/2024, tỉnh có **20** sở, ngành và **02** cơ quan tương đương³⁶ với **136** tổ chức bên trong, giảm **58** tổ chức (*18 phòng chuyên môn thuộc sở, 03 chi cục trực thuộc sở, 37 phòng thuộc chi cục*) so với thời điểm 2015; giảm 15 phòng so với năm 2020 (*giảm 8 phòng thuộc sở và 03 phòng thuộc chi cục*). UBND tỉnh đã ban hành quy định số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh là 60 người³⁷; thực hiện rà soát sắp xếp số lượng cấp phó các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở, Phó Chánh Văn phòng, Phó Chi cục Trưởng và tổ chức tương đương thuộc Sở và Phó trưởng Phòng thuộc Chi cục thuộc Sở theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP. Đến nay, các sở, ngành thuộc tỉnh đã thực hiện giảm 87 Phó Trưởng phòng, trong đó: Giảm 59 cấp phó của các phòng, ban, chi cục thuộc Sở; giảm 28 cấp phó của các phòng thuộc ban, chi cục.

+ Hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục được đổi mới về tổ chức và quản lý, bảo đảm tinh gọn và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Đến nay, tỉnh có 695 đơn vị, giảm 39 đơn vị so với năm 2021, nâng tổng số giảm lên 178 đơn vị (tương ứng tỷ lệ giảm 20,38% số đơn vị) so với năm 2015.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 99-KH/TU ngày 04/6/2024 về triển khai thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính

³⁶ Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.

³⁷ Theo Quyết định số 2912/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh: có 03 cơ quan được bố trí tối đa 04 Phó Giám đốc và tương đương: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường; có 14 cơ quan được bố trí tối đa 03 Phó Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh; có 03 cơ quan được bố trí tối đa 02 Phó Giám đốc: Sở Ngoại vụ, Sở Du lịch, Ban Dân tộc tỉnh.

trị; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 05/7/2024 về thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, mục tiêu đến năm 2025, giảm tối thiểu 10% đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021; đến năm 2030, phấn đấu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ quản lý nhà nước và các đơn vị cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; giảm 10% số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025; giảm 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để hoàn thành mục tiêu tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 và Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị, Quyết định số 60-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương và quy định của Chính phủ. Biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2025³⁸, cụ thể: tổng số biên chế công chức trong các cơ quan hành chính là **2.127 biên chế** (giảm 78 so với biên chế được giao năm 2021, tỷ lệ 3,54%); tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập là **24.856 người** (giảm 2.164 người so với năm 2021, tỷ lệ 8%).

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch về việc quản lý, sử dụng biên chế của tỉnh giai đoạn 2022 - 2026³⁹, mục tiêu tổng quát giai đoạn 2022 - 2026, tiếp tục thực hiện tinh giản 5% biên chế công chức và 10% số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả: Thực hiện các kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW⁴⁰ và Kết luận số 449-KL/TU ngày 24/12/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh Bình Định; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 25/12/2024 triển khai sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; đồng thời, Ban cán sự đảng UBND tỉnh có Tờ trình số 1591-TTr/BCSD ngày 05/02/2025 trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan

³⁸ Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 07/01/2025 của UBND tỉnh.

³⁹ Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh.

⁴⁰ Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Công văn số 24/CVBCĐTKNQ ngày 18/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc định hướng gợi ý nội dung về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025 của Ban Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện

thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Kết luận số 461-KL/TU ngày 05/02/2025 về các Đề án, phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; Kết luận số 470-KL/TU ngày 17/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc điều chỉnh, bổ sung Đề án, phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy. Ngày 18/02/2025, tại kỳ họp thứ 21 HĐND tỉnh Bình Định khóa XIII (kỳ họp chuyên đề) đã quyết nghị thành lập 07 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Bình Định tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND. Kết quả sắp xếp cụ thể như sau:

+ Đối với các cơ quan thuộc UBND tỉnh: Sau khi sắp xếp, có 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cụ thể: (i) Sở Nội vụ; (ii) Sở Tư pháp; (iii) Sở Tài chính; (iv) Sở Công Thương; (v) Sở Nông nghiệp và Môi trường; (vi) Sở Xây dựng; (vii) Sở Khoa học và Công nghệ; (viii) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (ix) Sở Giáo dục và Đào tạo; (x) Sở Y tế; (xi) Thanh tra tỉnh; (xii) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; (xiii) Sở Ngoại vụ; (xiv) Sở Dân tộc và Tôn giáo. Giảm 06/20 cơ quan, đạt tỷ lệ 30%.

+ Đối với các cơ quan thuộc cấp huyện: Sau khi sắp xếp, UBND cấp huyện có 09 phòng chuyên môn được thành lập thống nhất chung trong toàn tỉnh gồm: (i) Phòng Nội vụ; (ii) Phòng Tư pháp; (iii) Phòng Tài chính; (iv) Phòng Giáo dục và Đào tạo; (v) Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; (vi) Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin; (vii) Phòng Y tế; (viii) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; (ix) Phòng Nông nghiệp và Môi trường, giảm 02 phòng/huyện; riêng 03 huyện miền núi Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão có 11 phòng (có thêm Phòng Dân tộc và Tôn giáo). Tổng cộng, sau khi sắp xếp còn 113/135 phòng chuyên môn (bao gồm 11 cơ quan Thanh tra cấp huyện chờ sắp xếp theo chủ trương của Trung ương).

Sau khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định quy định tạm thời chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 25 cơ quan, đơn vị⁴¹; Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định quy định tạm thời chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo theo quy định.

Việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố được thực hiện đồng bộ, trên cơ sở rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và xây dựng cơ cấu tổ chức khoa học, hợp lý, đảm bảo tính kế thừa, thông suốt, liên tục, hiệu lực, hiệu quả. Sau sắp xếp, các cơ quan, đơn vị đã nhanh chóng ổn định và đi vào hoạt động,

⁴¹ Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Nội vụ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Y tế; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Công Thương; Ban Quản lý dự án các công trình giao thông và dân dụng tỉnh Bình Định; Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định; Trung tâm Xúc tiến đầu tư thuộc Sở Tài chính; Trung tâm Ứng dụng khoa học và Công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Khuyến nông thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Chăm sóc và Điều dưỡng người có công; Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Nội vụ; Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Y tế; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Định thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế.

đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ kể từ ngày 01/3/2025.

Chỉ đạo việc triển khai thực hiện phương án sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tập trung triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ; UBND tỉnh ban hành Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 27/6/2024 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025, thực hiện sắp xếp đối với 06 phường thuộc thành phố Quy Nhơn⁴².

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và các văn bản hướng dẫn thi hành, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã chỉ đạo các cơ quan tham mưu tổ chức thực hiện và hướng dẫn các địa phương về công tác tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; ban hành quy chế làm việc, quy chế phối hợp với nhiều nội dung, cách làm mới nhằm đề cao và phát huy được trí tuệ, trách nhiệm, quyền hạn của tập thể chính quyền địa phương và xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng thành viên, nhất là người đứng đầu chính quyền các cấp. Phát huy dân chủ và trách nhiệm cá nhân; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ngoài ra, tỉnh cũng chỉ đạo các cơ quan tham mưu ban hành các quy định nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với việc kiểm tra các cơ quan khi thực hiện ủy quyền và các điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền; xây dựng phương án sắp xếp tinh gọn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chỉ đạo của Trung ương; xây dựng chính quyền địa phương dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, phục vụ tốt nhu cầu đời sống Nhân dân.

Nhìn chung, đến nay tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương các cấp trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra tiếp tục có sự đổi mới, đã góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh, trật tự, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

c) Về phân cấp quản lý

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chú trọng. Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 07/9/2023 triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP của Chính phủ gắn với thực hiện

⁴² Theo đó, đối với thành phố Quy Nhơn: nhập phường Lê Hồng Phong và phường Lý Thường Kiệt vào phường Trần Phú, đặt tên là phường Trần Phú; nhập phường Trần Hưng Đạo và phường Lê Lợi vào phường Thị Nại, đặt tên là phường Thị Nại.

nhiệm vụ giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là người đứng đầu, thực hiện tốt việc kiểm soát quyền lực nhà nước, góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ nhân dân ở 11 ngành, lĩnh vực với 58 nội dung⁴³.

Việc đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền đã nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trên cơ sở xác định rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giữa UBND tỉnh với các sở, ngành và UBND cấp huyện đảm bảo sự quản lý thống nhất của UBND tỉnh, phát huy được tính chủ động, trách nhiệm và tinh thần sáng tạo của các sở, ngành và các cấp chính quyền địa phương, khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, đồng thời qua đó nâng cao trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn kiểm tra, thanh tra trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân cấp góp phần thực hiện tốt việc cải cách hành chính và hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - chính trị trên địa bàn tỉnh, cụ thể trên các lĩnh vực:

Trong giai đoạn 2021 - 2025, việc phân cấp, phân quyền tài chính ngân sách nhà nước giữa trung ương với địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương đã đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động ngân sách địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan. Theo đó, cơ chế phân cấp ngân sách nhà nước phù hợp với quản lý kinh tế - xã hội của địa phương, từng bước phát huy năng lực, hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách của các cấp ngân sách và cơ quan, đơn vị đã góp phần ổn định, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, văn hóa, giáo dục, y tế, ... trên địa bàn tỉnh. Các quy định phân cấp ngân sách đã góp phần chuyển đổi cơ cấu chi ngân sách địa phương theo hướng tăng tỷ trọng đầu tư qua các năm, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý ngân sách nhà nước tạo môi trường phát triển cho sản xuất kinh doanh nhằm tăng nguồn thu ngân sách nhà nước và nâng cao tính công khai, minh bạch tại địa phương.

Việc phân cấp quản lý công vụ, cán bộ, công chức, viên chức đã triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, đúng thẩm quyền; đồng thời, đã chủ động phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm phát huy tính tự chủ, sáng tạo của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện các quy định về công tác cán

⁴³ Cụ thể: Ngành, lĩnh vực Giao thông vận tải: 02 nội dung; Ngành, lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường: 09 nội dung; ngành, lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 03 nội dung; Ngành, lĩnh vực Thông tin và truyền thông: 06 nội dung; Ngành, lĩnh vực Văn hóa - Thể thao và Du lịch: 06 nội dung; Ngành, lĩnh vực Y tế: 01 nội dung; Ngành, lĩnh vực Xây dựng: 15 nội dung; Ngành, lĩnh vực Nội vụ: 03 nội dung; Ngành, lĩnh vực Khoa học và Công nghệ: 07 nội dung; Ngành, lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội: 01 nội dung; Ngành, lĩnh vực khác: 05 nội dung.

bộ, tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức được thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch, đúng quy trình, từ đó đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý, có trình độ chuyên môn và năng lực công tác đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

Việc ủy quyền, phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Định đã mang lại kết quả tích cực trong việc thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh; đã giảm tải đáng kể khối lượng công việc của cấp có thẩm quyền (cấp trên), rút ngắn thời gian xử lý công việc, góp phần phục vụ tốt hơn các yêu cầu của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp dưới và cơ quan trực thuộc cấp có thẩm quyền; các cấp, các ngành của tỉnh đã thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công một cách hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm sự quản lý thống nhất của cấp tỉnh, phát huy tính chủ động, trách nhiệm, tinh thần sáng tạo các cấp, các ngành của tỉnh trong thời gian qua.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh điều chỉnh toàn diện các lĩnh vực xây dựng thuộc phạm vi quản lý như: Quy hoạch - kiến trúc, Quản lý xây dựng và Vật liệu xây dựng, Hạ tầng kỹ thuật và Quản lý nhà - Phát triển đô thị; được triển khai thực hiện thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, có tác động rất lớn và tạo hành lang pháp lý trong việc bảo đảm hoạt động hiệu quả của bộ máy nhà nước, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương.

Việc phân cấp quản lý trên lĩnh vực du lịch: bảo đảm được nguồn lực; xử lý kịp thời các vi phạm về lĩnh vực du lịch trên địa bàn, giữ vững ổn định tình hình An ninh trật tự, đảm bảo an ninh an toàn cho khách du lịch nói riêng và môi trường du lịch tỉnh Bình Định nói chung. Phối hợp thực hiện đúng quy định trong tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thực hiện công tác kiểm tra, thẩm định và đề nghị Sở Du lịch thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến việc công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

Sau khi ban hành các văn bản phân cấp, phân quyền, ủy quyền việc quản lý nhà nước trên tất cả các ngành, lĩnh vực được thực hiện đồng bộ, có hiệu quả; phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là người đứng đầu, thực hiện tốt việc kiểm soát quyền lực nhà nước, góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ nhân dân trên các lĩnh vực, nâng cao tầm quản lý chiến lược, mang tính vĩ mô ở cấp tỉnh.

3.1. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Việc sắp xếp tổ chức bộ máy chưa thể hiện được sự chủ động trong công tác nghiên cứu, triển khai thực hiện đồng bộ đối với các đơn vị sự nghiệp đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, khắc phục triệt để sự chồng chéo trong chức năng, nhiệm vụ.

Chưa có sự quan tâm, chú trọng trong công tác rà soát, nghiên cứu, đẩy mạnh việc phân cấp quản lý nhà nước để phát huy tối đa năng lực thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Kết quả đạt được

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức

- Kết quả xây dựng vị trí việc làm: UBND tỉnh quyết định ủy quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập và vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã; đồng thời, phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Kết quả đến nay đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của 22/22 Sở và 11 huyện, thị xã, thành phố, có 2.611 vị trí việc làm được phê duyệt; phê duyệt 100% Đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập, có 7.441 vị trí việc làm được phê duyệt. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “*về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*”, Tỉnh ủy đã ban hành Quy định số 09-QĐ/TU ngày 29/12/2022 về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Kế hoạch số 15-KH/TU ngày 27/12/2021 thực hiện Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung; Kế hoạch số 17-KH/TU ngày 21/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện công tác quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành 03 quy định, đề án triển khai thực hiện⁴⁴.

Công tác luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức được Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Ban Thường vụ các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, chính quyền các cấp quan tâm, triển khai thực hiện, gắn với công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhằm tạo điều kiện đề cán bộ, công chức, viên chức được rèn luyện, thử thách và trưởng thành. Cán bộ luân chuyển đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được luân chuyển đến theo quy định, có chiều hướng phát triển. Các cấp ủy, chính quyền các cấp luôn quan tâm, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bố trí sau luân chuyển bảo đảm khách quan, dân chủ, công khai và công bằng. Từ năm 2022 đến nay, đã hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện luân

⁴⁴ Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh; Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025; Quyết định số 4599/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Đề án “*Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2022 – 2030*”.

chuyển với tổng số kinh phí là 2.983.150.000 đồng⁴⁵.

Thực hiện chủ trương bố trí được 09/11 Bí thư Cấp ủy cấp huyện (Hoài Ân, An Lão, Phù Mỹ, An Nhơn, Tuy Phước, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh), 07/11 Chủ tịch UBND cấp huyện (Hoài Ân, An Lão, Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Vân Canh, Vĩnh Thạnh) không phải là người địa phương; thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý và nhất thể hóa một số chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã đã góp phần bồi dưỡng, tạo nguồn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Công tác đánh giá cán bộ tiếp tục được đổi mới mạnh mẽ, đánh giá xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí, bằng sản phẩm, có khảo sát và so sánh với các chức danh tương đương và đảm bảo theo quy định⁴⁶; đồng thời, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, người trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ. Thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ đối với 81/93 cán bộ lãnh đạo, quản lý của 26 cơ quan, đơn vị⁴⁷.

Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý được gắn kết với các khâu của công tác cán bộ, bảo đảm sự liên thông giữa các cấp trong đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị và cơ cấu 3 độ tuổi, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài, thực hiện quy hoạch cấp ủy các cấp và các chức danh lãnh đạo chủ chốt theo hướng “động” và “mở”; thường xuyên rà soát, đánh giá đối với cán bộ diện quy hoạch để bổ sung, thay thế kịp thời.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp được đẩy mạnh, tạo chuyển biến tích cực, bước đầu gắn kết chặt chẽ với công tác quy hoạch; tập trung đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chú trọng bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý, kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm; cập nhật bổ sung kiến thức pháp luật, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ, công vụ⁴⁸. Đến nay, số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cơ bản đáp ứng yêu cầu.

Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc Quy định về chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ, xem đây là một trong những biện pháp để phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực của công chức, viên chức chuyên môn khi tiếp xúc, tham mưu giải quyết công việc đối

⁴⁵ Năm 2022, hỗ trợ cho 31 cán bộ, công chức luân chuyển với tổng kinh phí 89.800.000 đồng; Năm 2023, hỗ trợ cho 99 cán bộ, công chức luân chuyển với tổng kinh phí 1.205.750.000 đồng; Năm 2024, hỗ trợ cho 122 cán bộ, công chức luân chuyển với tổng kinh phí 1.687.500.000 đồng.

⁴⁶ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP.

⁴⁷ Gồm 21 cơ quan hành chính và 05 đơn vị sự nghiệp công lập.

⁴⁸ Từ năm 2021 đến nay có 10.935 lượt cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý, kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm (trong đó cán bộ, công chức, viên chức từ cấp huyện trở lên: 7.105 lượt người; cán bộ, công chức cấp xã: 3.830 lượt người); có 650 cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo trình độ sau đại học (trong đó: 462 thạc sĩ và 175 chuyên khoa cấp I; 06 Tiến sĩ, 07 chuyên khoa cấp II). Tính đến ngày 31/12/2023, có 1.971/10.126 công chức, viên chức cấp tỉnh có trình độ sau đại học, đạt tỉ lệ 19%, có 677/17.126 công chức, viên chức cấp huyện có trình độ sau đại học, đạt tỉ lệ 3.9%.

với một số lĩnh vực công tác⁴⁹. Chỉ đạo tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tập trung chỉ đạo tổ công tác về kiểm tra công vụ thường xuyên kiểm tra chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc *“không đùn đẩy hoặc chuyển công việc thuộc thẩm quyền của đơn vị mình lên cấp trên hoặc đến các cơ quan, đơn vị, địa phương khác”* theo chỉ đạo của Chính phủ và Công điện số 280/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Công điện số 968/CĐ-TTg ngày 16/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Chỉ thị số 37-CT/TU ngày 10/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu hiện nay⁵⁰.

Hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh với **31.606** (đạt tỷ lệ 100%) hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã, hợp đồng lao động được kết nối, chia sẻ, đồng bộ 100% với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý.

Tham mưu hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị của tỉnh Bình Định. Thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý kịp thời, đúng quy định. Theo đó, đã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ đối với 05 công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý⁵¹; nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu đối với 02 cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý⁵². Đến nay, Sở Nội vụ đã phối hợp Sở Tài chính thẩm định kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ đối với 100 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các sở, ngành, địa phương với tổng kinh phí là 98.820.275.833 đồng.

Công tác kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương được tổ chức thực hiện thường xuyên hằng năm. Trên cơ sở đó, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch tự kiểm tra đối với cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc thẩm quyền quản lý. Ngoài ra, UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác về kiểm tra công vụ tỉnh (hoạt động từ cuối năm 2016 đến nay), xây dựng kế hoạch kiểm tra công vụ hằng năm nhằm kiểm tra những vấn đề nổi cộm, các vấn đề được xã hội quan tâm, việc thực chức trách, nhiệm vụ được giao, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ,

⁴⁹ Từ năm 2021 đến năm 2023, đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với 1.016 công chức, viên chức; năm 2024, thực hiện chuyển đổi vị trí công tác tại 39 cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức và công chức cấp xã: 332 người. Trong đó: 100 công chức, 217 viên chức và 15 công chức cấp xã.

⁵⁰ Trong 9 tháng năm 2024 có 45 người (gồm: 03 công chức, 33 viên chức, 04 cán bộ cấp xã và 05 công chức cấp xã); trong đó, có 23 trường hợp vi phạm trong quá trình công tác, 13 trường hợp vi phạm chính sách dân số, 05 trường hợp vi phạm pháp luật, 02 trường hợp vi phạm về an toàn giao thông, 02 trường hợp vi phạm quy tắc ứng xử trên mạng xã hội.

⁵¹ 03 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc Sở và tương đương

⁵² Giám đốc Sở Công Thương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn

công chức, viên chức; ngoài ra còn tiến hành các cuộc kiểm tra chuyên đề đối với một số đơn vị, địa phương.

Từ năm 2021 đến năm 2025, Tổ công tác về kiểm tra công vụ tỉnh đã tiến hành kiểm tra công vụ đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên 252 lượt. Qua kiểm tra, đã kịp thời đôn đốc, nhắc nhở, chấn chỉnh việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhất là thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương nhất là cấp xã khắc phục những tồn tại, hạn chế; đồng thời phát hiện, kiến nghị xử lý những trường hợp vi phạm, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính các cấp, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành và thực thi pháp luật.

b) Về cán bộ, công chức cấp xã

Công tác đào tạo, bồi dưỡng⁵³, chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác đối với cán bộ, công chức cấp xã ngày càng được quan tâm; đến nay, cán bộ cấp xã có trình độ đại học trở lên là 1.558/1.653 người (đạt 94,25% vượt 14,25% so với chỉ tiêu đề ra (80%)), công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên là 1.314/1.473 người, đạt tỷ lệ 93,13% (tỷ lệ đề ra đến năm 2025 là 100%).

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hoạt động thực thi công vụ ở cấp xã vẫn chưa có nhiều chuyển biến. Công tác phối hợp giải quyết công việc chung giữa các cơ quan, đơn vị có lúc, có việc còn chậm, hiệu quả chưa cao, dẫn đến kéo dài thời gian xử lý và ảnh hưởng đến chất lượng công việc chung nhưng chưa có sự phân tích, đánh giá, quy trách nhiệm cụ thể do thiếu công cụ hỗ trợ kiểm tra, giám sát dựa trên công nghệ.

Kết quả tinh giản biên chế tuy đạt chỉ tiêu về số lượng, nhưng chưa gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức theo vị trí việc làm; tỷ lệ công chức cấp xã có trình độ chuyên môn đại học trở lên chưa đạt mục tiêu.

Công tác đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ chưa có nhiều đổi mới, không là cơ sở vững chắc cho việc sàng lọc, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Vẫn còn trường hợp cán bộ sau khi được bổ nhiệm còn lúng túng trong thực hiện nhiệm vụ, cá biệt có trường hợp có biểu hiện không đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả đạt được

a) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách, cơ chế tài chính đối với cơ quan

⁵³ Năm 2024: Đã tổ chức 06 lớp bồi dưỡng chuyên sâu cho 1.067 cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã

hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trong tỉnh: Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước. Các cơ quan nhà nước khối tỉnh tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ:

- + Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ: 52
- + Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, ngành): 52
- + Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: 52

Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh. Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), ngày 17/7/2018, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 2413/QĐ-UBND về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 35-KH/TU của Tỉnh ủy Bình Định triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL; Theo đó, tiếp tục thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

Việc rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong từng đơn vị được thực hiện theo hướng tinh gọn, giảm mạnh đầu mối, bỏ cấp trung gian. Các đơn vị sau khi thực hiện sáp nhập hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; trật tự, kỷ cương trong quản lý, điều hành được thực hiện nghiêm túc.

Tính đến thời điểm báo cáo, có tổng cộng 129/129 đơn vị khối tỉnh được giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó: 08 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 15 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 80 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 26 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

b) Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa: Việc giao quyền thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính đã giúp các đơn vị sự nghiệp công lập chủ động trong việc sử dụng biên chế, tài sản và kinh phí một cách hợp lý, tăng cường khai thác nguồn thu, thu đúng, thu đủ để đảm bảo yêu cầu hoạt động của đơn vị, phát triển và mở rộng các hoạt động dịch vụ ngày càng đa dạng và phong phú hơn, nâng cao được chất lượng dịch vụ, đầu tư thêm được cơ sở vật chất; tạo được những chuyển biến tích cực trong quản lý tài chính, ngân sách ở các cơ quan, đơn vị và tạo ra cơ chế khuyến khích các cơ quan, đơn vị chi tiêu có hiệu quả, hướng đến kết quả đầu ra, tiết kiệm ngân sách.

Thực hiện Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 14/09/2023 của UBND tỉnh về Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị

sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo; Đến thời điểm hiện tại, đã tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành Quy định tạm thời định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023- 2025 tại Quyết định số 4102/QĐ-UBND ngày 06/11/2023; Quy định tạm thời Đơn giá sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định tại Quyết định số 4087/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 và Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật chỉnh lý tài liệu nền giấy; vệ sinh kho bảo quản tài liệu lưu trữ và vệ sinh tài liệu lưu trữ nền giấy trên địa bàn tỉnh Bình Định tại Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 13/01/2025.

Qua đó, giúp giảm dần các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, giao kế hoạch; Ngân sách chuyển từ hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đầu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số khó khăn như: Các cơ chế, chính sách và các quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được đồng bộ, đầy đủ như: Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo ngành, lĩnh vực; định mức kinh tế - kỹ thuật; khung giá đối với từng loại hình dịch vụ sự nghiệp công chưa ban hành kịp thời... dẫn đến các đơn vị sự nghiệp công lập chưa đủ cơ sở pháp lý để thực hiện, gây khó khăn và ảnh hưởng đến kết quả sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập và đẩy mạnh cơ chế tự chủ, xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; chưa có hướng dẫn đầy đủ dẫn đến khó khăn trong việc xác định/xây dựng danh mục vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành, định mức số lượng người làm việc, tiêu chuẩn chức danh... trong đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Về Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Kết quả đạt được

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh: Trong giai đoạn 2021 - 2025, thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành 02 Nghị quyết, 01 Chỉ thị, 21 Quyết định, 20 Kế hoạch làm cơ sở pháp lý triển khai nhiệm vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số trên địa bàn tỉnh (*chi tiết tại Phụ lục 9*).

b) Kết quả tổ chức thực hiện

- Về phát triển hạ tầng số

Hạ tầng viễn thông: Với mục tiêu phát triển hạ tầng viễn thông để không chỉ đảm bảo thông tin liên lạc mà là hạ tầng của kinh tế số, xã hội số, hạ tầng kết nối vạn vật. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định, tỷ lệ phủ sóng thông tin di động 3G, 4G đã đạt 100% tại trung tâm các xã, thị trấn và 99,6% các thôn (còn 01 thôn chưa có điện và chưa có sóng di động - Làng O2, xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh). Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% các xã, phường, thị trấn và 99,6% các thôn (còn 04 thôn chưa có hạ tầng cáp quang⁵⁴). Tổng số thuê bao điện thoại di động gần 1,6 triệu thuê bao, trong đó: tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt 88,3%. Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh đạt 99,6% (so với năm 2023 (97,02%), tăng 2,58%). VNPT Bình Định, Viettel Bình Định đã triển khai mạng 5G trên địa bàn tỉnh, với hơn 70 trạm BTS tại trung tâm các huyện, thị xã, thành phố. Triển khai dự án cáp quang biển quốc tế với 2 tuyến cáp quang biển ADC và SJC2 với tổng dung lượng kết nối quốc tế 27 Tbps (trong đó Viettel 18 Tbps và VNPT 9Tbps).

Hạ tầng kỹ thuật CNTT: Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh đầu tư nâng cấp với 25 máy chủ vật lý để quản lý các hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành, công/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước và được trang bị các hệ thống thiết bị bảo mật, an toàn thông tin như tường lửa và các phần mềm phòng, chống virus, sử dụng chứng thư số chuyên dùng bảo vệ cho việc truy cập máy chủ ứng dụng, máy chủ bảo mật... Ngoài ra, các sở, ngành đã thuê dịch vụ CNTT để vận hành các phần mềm, CSDL chuyên ngành. Mạng Truyền số liệu chuyên dùng cấp II đã được triển khai đến tất cả tại các từ cấp tỉnh đến cấp xã phục vụ cho việc thiết lập kênh truyền riêng phục vụ vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được thông suốt, an toàn, bảo mật (gồm: 28 cơ quan, đơn vị là các sở, ban, ngành và 11 UBND các huyện, thị xã, thành phố; 155/155 xã, phường, thị trấn) và kết nối với Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp I của Trung ương. Hệ thống hội nghị truyền hình được kết nối xuyên suốt từ khối cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, UBND cấp huyện và đến 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh để đáp ứng yêu cầu tổ chức các cuộc họp từ 04 cấp chính quyền theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Về phát triển các hệ thống nền tảng

Các hệ thống nền tảng trong năm được duy trì, vận hành tốt phục vụ công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp của cơ quan nhà nước trên môi trường số, bao gồm: Nền tảng LGSP, Hệ thống họp giao ban trực tuyến 4 cấp, Hệ thống Văn phòng điện tử, Chữ ký số trên USB Token và SIM, Hệ thống thư điện tử công vụ, Hệ thống Trang thông tin điện tử các cơ quan nhà nước, Hệ thống thông tin trên nền tảng mạng xã hội (Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định, Tin tức Bình Định), cụ thể:

⁵⁴ thôn 1, xã An Vinh và thôn 6, xã An Quang, huyện An Lão; làng Canh Tiến, xã Canh Liên, huyện Vân Canh; làng O2, xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh.

Trao đổi văn bản điện tử và sử dụng chữ ký số chuyên dùng: Hệ thống văn phòng điện tử đã được triển khai tới 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia, hệ thống văn bản điện tử của khối các cơ quan Đảng để phục vụ gửi nhận văn bản điện tử 4 cấp giữa các cơ quan Đảng, chính quyền, góp phần nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian, tăng cường trao đổi văn bản điện tử, giảm chi phí giấy tờ, tài liệu... Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh hoàn toàn dưới dạng điện tử đạt gần 100%. 100% các cơ quan nhà nước đã sử dụng chữ ký số chuyên dùng của tổ chức và 100% lãnh đạo cơ quan, đơn vị sử dụng chữ ký số cá nhân để trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng. Chữ ký số đã được tích hợp vào các hệ thống: phần mềm văn phòng điện tử, phần mềm một cửa điện tử để thuận tiện trong quá trình trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định.

Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh được duy trì hoạt động ổn định (địa chỉ mail.binhding.gov.vn), 100% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đều được cấp hộp thư điện tử công vụ phục vụ trao đổi công việc mở rộng đến các đơn vị sự nghiệp, cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, số tài khoản thư điện tử đã cấp cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh là hơn 16.000 tài khoản.

Hệ thống phòng họp không giấy đã được triển khai sử dụng tại Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để phục vụ các cuộc họp, đảm bảo mục tiêu phục vụ tốt công tác triển khai cuộc họp nhanh chóng, tiết kiệm chi phí in ấn tài liệu, giúp hiện đại hóa hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Đối với các cơ quan Đảng hiện đang triển khai một số phần mềm đặc thù do Trung ương triển khai: Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp Lotus Notes, Phần mềm thông tin chuyên ngành về công tác Tổ chức xây dựng Đảng.

- Về phát triển dữ liệu: Các hệ thống phần mềm dùng chung được triển khai, ứng dụng hiệu quả trong công tác phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh như: Cổng thông tin điện tử; Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Quản lý lịch công tác; Cổng Dịch vụ công của tỉnh; Phần mềm họp không giấy. Đến nay, đạt tỷ lệ trên 90 % cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên địa bàn tỉnh, gồm: Cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, tài chính; 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành (không bao gồm nội dung mật) được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Về phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

Triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng các nền tảng, dữ liệu, ứng dụng, dịch vụ nội bộ như: Các sở, ban, ngành đã tập trung xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết hợp xây dựng Kho dữ liệu số theo Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 08/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, cải thiện chất lượng dịch vụ công trực tuyến gắn với đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hành chính cho người dân,

doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đến nay, đã cơ bản hoàn thành các hệ thống ưu tiên triển khai: Hệ thống thông tin quản lý đất đai; Hệ thống giám sát khai thác khoáng sản; Hệ thống thông tin quản lý trường học (CSDL về giáo viên, học sinh); Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức, Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai; Hệ thống thông tin quản lý công tác đầu tư công của tỉnh; Hệ thống dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân được kết nối, liên thông từ các phần mềm Quản lý tổng thể bệnh viện (HIS), quản lý y tế cơ sở, tiêm chủng mở rộng và đã được liên thông với ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử tích hợp vào VneID; Hệ thống phần mềm trạm y tế xã được kết nối liên thông dữ liệu phần mềm HIS với dữ liệu với tuyến huyện, tuyến tỉnh; Các hệ thống thông tin tài chính;... từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh đã kết nối đến 140/155 đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT với hơn 2.400 cụm loa; phần đầu đạt 100% Đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT vào năm 2025.

Công thông tin du lịch tỉnh tạo lập cơ sở dữ liệu về khu, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch và khách du lịch và kết nối liên thông giữa cơ quan nhà nước về du lịch với doanh nghiệp du lịch; triển khai Hệ thống giám sát và phân tích thông tin trên Internet tại Sở Thông tin và Truyền thông (chuyển nhiệm vụ về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sau sáp nhập), Công an tỉnh và Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ; Triển khai phần mềm quản lý thông tin báo chí viết về Bình Định phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp; Triển khai hệ thống camera giám sát cho 06 cụm tháp Chăm (gồm: tháp Bánh Ít, tháp Dương Long, tháp Đôi, tháp Cánh Tiên, tháp Thủ Thiện, và tháp Bình Lâm). Triển khai thử nghiệm Trợ lý ảo cho cán bộ, công chức tại 07 Sở: Tài chính, Xây dựng, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông.

- Về phát triển ứng dụng dịch vụ người dân, doanh nghiệp: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số, giai đoạn 2024 - 2025⁵⁵. Một số dịch vụ ứng dụng, dịch vụ thiết yếu như: Cổng dịch vụ công của tỉnh (<https://dichvucong.binhdingh.gov.vn>) hệ thống được kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia và kết nối, chia sẻ với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ xác thực, định danh khai thác dữ liệu trong quá trình giải quyết TTHC. Đã hoàn thành liên thông dữ liệu kết quả Giấy chứng sinh, Giấy báo tử đối với 100% cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi” trên địa bàn tỉnh (dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06). Hoàn thành việc liên thông dữ liệu kết quả Giấy khám sức khỏe lái xe đối với 100% cơ sở y tế có chức năng khám sức khỏe giấy phép lái xe trên địa bàn tỉnh phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình “Cấp đổi giấy phép lái xe”.

⁵⁵ Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 14/5/2024 của UBND tỉnh.

Các cơ sở khám chữa bệnh trên toàn tỉnh đã triển khai hệ thống thông tin quản lý bệnh viện (HIS); các đơn vị khám, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế đã triển khai số hóa bệnh án điện tử. Đặc biệt, bệnh viện đã triển khai chữ ký số để ký vào đơn thuốc, bệnh án điện tử như: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn, Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn, Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn; 197/197 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh (bao gồm các trạm y tế) đã trang bị máy quét thẻ CCCD gắn chip. Hiện nay, số lượt người khám bệnh có sử dụng CCCD gắn chip đạt tỷ lệ 82,26% so với tổng số lượt khám bệnh; 100% cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế đã triển khai thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh không dùng tiền mặt trong khám bệnh, chữa bệnh... Triển khai dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đến 100% trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Các ngân hàng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ như VNPT, Viettel, Mobile đã tích cực phối hợp với Tổ CNCĐ để triển khai hướng dẫn cho người dân, các tiểu thương cài đặt, sử dụng mô hình chợ 4.0.

- Tình hình xây dựng, phát triển đô thị thông minh: Thực hiện Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thí điểm dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Định. Hệ thống Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Bình Định (Trung tâm IOC - Intelligent Operation Center) luôn duy trì với 08 dịch vụ; số liệu lượt tải cài đặt Smartcity Bình Định có tổng cộng 11.959 lượt cài đặt.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước vẫn chưa rõ nét, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cải thiện chất lượng hoạt động quản lý nhà nước dựa trên dữ liệu, công nghệ số; công tác lưu trữ điện tử, tạo lập hồ sơ công việc trên môi trường điện tử còn nhiều lúng túng, hiệu quả chưa cao.

Việc chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia vẫn chưa có giải pháp thực sự hiệu quả. Các hệ thống thông tin quy mô quốc gia được đầu tư phân tán tại địa phương với rất nhiều nhà cung cấp dịch vụ nên việc triển khai nâng cấp, điều chỉnh cần rất nhiều thời gian để thực hiện.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

Công tác cải cách hành chính trong giai đoạn 2020 - 2025 đã được cấp ủy, chính quyền các cấp của tỉnh quan tâm chỉ đạo, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thành 36/38 nhiệm vụ đề ra, 10/16 chỉ tiêu đạt/vượt so với kế hoạch đề ra, tạo sự chuyển biến đồng bộ trên các lĩnh vực, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút đầu tư, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Kết quả nêu trên được thể hiện cụ thể qua kết quả các Chỉ số PAPI, PAR

INDEX, SIPAS, PCI của tỉnh liên tục được cải thiện về mặt điểm số và đã có sự cải thiện đáng kể về vị trí xếp hạng so với giai đoạn 2015 - 2020, cụ thể: Chỉ số PAPI từ vị trí 63 (thấp nhất trong giai đoạn trước) vươn lên vị trí 19 (cao nhất trong giai đoạn 2020-2025); Chỉ số PAR INDEX từ vị trí 59 (thấp nhất trong giai đoạn trước) vươn lên vị trí 25 (cao nhất trong giai đoạn 2020-2025), Chỉ số SIPAS từ vị trí 61 (thấp nhất trong giai đoạn trước) vươn lên vị trí 20 (cao nhất trong giai đoạn 2020-2025), Chỉ số PCI từ vị trí 20 (thấp nhất trong giai đoạn trước) vươn lên vị trí 11 (cao nhất trong giai đoạn 2020-2025); đáng chú ý, kết quả “Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp” có điểm số luôn thuộc nhóm “Xuất sắc” và thuộc nhóm dẫn đầu cả nước trong 02 năm liên.

Công tác cải cách thể chế của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi, đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành của chính quyền các cấp. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết hồ sơ TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến gắn với hoạt động kiểm soát TTHC được xây dựng, hoàn thiện, thống nhất, đồng bộ tạo hành lang pháp lý quan trọng trong việc tổ chức triển khai thực hiện.

Kết quả thực hiện công tác cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2020 - 2025 có nhiều chuyển biến tích cực, cho thấy một diện mạo mới so với nhiệm kỳ 2015 - 2020. Việc xây dựng thể chế, quy định đối với công tác cải cách TTHC gắn với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh được quan tâm, chú trọng đầu tư, xây dựng, cơ bản hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong công tác giải quyết TTHC không ngừng được đổi mới, tạo sự đột phá bằng nhiều mô hình, giải pháp mang tính đồng bộ; nổi bật là việc thành lập, đi vào hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (kể từ tháng 4/2019) và triển khai số hóa, tái sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. Công tác kiểm tra, giám sát, công khai, minh bạch hoạt động giải quyết hồ sơ TTHC gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính được tổ chức thực hiện hiệu quả, thực chất nhờ 100% TTHC được phê duyệt quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử trên “Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh” để quản lý việc giải quyết hồ sơ của từng cán bộ, công chức gắn với công khai những cá nhân giải quyết hồ sơ trễ hạn. TTHC được chú trọng cải cách theo chiều sâu với việc ban hành nhiều quy chế/quy định liên thông nhóm TTHC; cùng với đó, công tác đơn giản hóa, cắt giảm thành phần hồ sơ, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ theo hướng tăng cường chuyển đổi số hiệu quả nhờ kết nối, tích hợp “Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh” với nhiều cơ sở dữ liệu, hệ thống phần mềm chuyên ngành phục vụ cắt giảm thông tin, giấy tờ. Với sự tham gia vào cuộc của lực lượng đoàn viên thanh niên, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến được thông tin, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi, có sự lan tỏa nhanh chóng, đang dần trở nên phổ biến, ngày càng được người dân, doanh nghiệp biết đến và tích cực hưởng ứng tham gia sử dụng. Nhờ đó, trong 02 năm kể từ khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số

766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 ban hành và triển khai đánh giá “Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp”, kết quả điểm số của tỉnh Bình Định luôn thuộc nhóm “Xuất sắc” và duy trì vị trí dẫn đầu cả nước⁵⁶.

Việc xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số được đẩy mạnh đã phát huy hiệu quả tích cực, bảo đảm thông tin thông suốt, tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; các chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh được thực hiện thường xuyên, đồng bộ, có hệ thống từ tỉnh đến cơ sở và đã đạt được kết quả quan trọng; hạ tầng viễn thông được triển khai đồng bộ, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin được đầu tư và phát triển theo đúng định hướng và quy hoạch; chú trọng tăng cường số lượng và chất lượng nguồn lực công nghệ thông tin để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ trong cơ quan nhà nước và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Những kết quả đạt được trong cải cách hành chính đã góp phần nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp, qua đó đã phát huy nội lực, thu hút tốt nguồn lực bên ngoài, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hằng năm.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

Một số cấp ủy, chính quyền, Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thiếu quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, chưa quyết tâm, quyết liệt tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; vẫn còn 02 nhiệm vụ còn dở dang (01 nhiệm vụ đang triển khai⁵⁷ và 01 nhiệm vụ đang chờ quy định của Trung ương⁵⁸), 06 chỉ tiêu chưa đạt như kỳ vọng⁵⁹; một số lĩnh vực chủ yếu trong công tác cải cách hành chính vẫn chưa có sự đổi mới mang tính đột phá; kết quả cải thiện, nâng cao các chỉ số cải cách hành chính (PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS) của tỉnh thiếu sự đồng bộ, chưa ổn định.

Hoạt động thực thi công vụ ở cấp xã vẫn chưa có nhiều chuyển biến. Công tác phối hợp giải quyết công việc chung giữa các cơ quan, đơn vị có lúc, có việc còn chậm, hiệu quả chưa cao, dẫn đến kéo dài thời gian xử lý và ảnh hưởng đến chất lượng công việc chung nhưng chưa có sự phân tích, đánh giá, quy trách nhiệm cụ thể do thiếu công cụ hỗ trợ kiểm tra, giám sát dựa trên công nghệ.

⁵⁶Năm 2023 tỉnh Bình Định đạt 90,35 điểm, xếp vị trí thứ 01/63 tỉnh, thành phố, là địa phương duy nhất thuộc nhóm “Xuất sắc”; năm 2024 Bình Định đạt 91,38 điểm, xếp vị trí thứ 01/63 tỉnh, thành phố, cùng với Cà Mau là 02 địa phương thuộc nhóm “Xuất sắc” vì có điểm số trên 90.

⁵⁷ Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và các địa phương, các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh: Dự kiến hoàn thành trong tháng 7/2025.

⁵⁸ Đề án thí điểm việc thi tuyển, thuê giám đốc điều hành đơn vị sự nghiệp công lập.

⁵⁹ Bao gồm: 4 chỉ tiêu về kết quả các Chỉ số PCI, PAR INDEX, SIPAS, PAPI, 01 chỉ tiêu về trình độ công chức cấp xã, 01 chỉ tiêu đang tiếp tục triển khai 100% hệ thống thông tin báo cáo điện tử (dự kiến tháng 07/2025).

Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại cấp xã còn chậm đổi mới; vẫn còn tình trạng giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trễ hẹn trên những lĩnh vực thiết yếu liên quan đến người dân, doanh nghiệp; chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến còn không ít tồn tại, hạn chế; tỷ lệ hồ sơ giao dịch trực tuyến toàn trình chưa đảm bảo chỉ tiêu theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông; vẫn còn nhiều thủ tục hành chính thiết yếu, phát sinh nhiều giao dịch chưa được quan tâm, nghiên cứu, tái cấu trúc đảm bảo cho việc thực hiện trực tuyến; phần lớn người dân còn phụ thuộc vào sự hướng dẫn, hỗ trợ để hoàn thành việc nộp hồ sơ trực tuyến mà chưa thể tự mình thực hiện từ xa, tại nhà.

Việc phân cấp, phân quyền còn manh mún, thiếu tính đồng bộ, chưa toàn diện trên các lĩnh vực; kết quả tinh giản biên chế tuy đạt chỉ tiêu về số lượng, nhưng chưa gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức theo vị trí việc làm; tỷ lệ công chức cấp xã có trình độ chuyên môn đại học trở lên chưa đạt mục tiêu.

Chậm ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công lập, định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở ban hành danh mục đơn giá dịch vụ sự nghiệp công lập; tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và đảm bảo một phần chi thường xuyên đạt thấp.

Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước vẫn chưa rõ nét, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cải thiện chất lượng hoạt động quản lý nhà nước dựa trên dữ liệu, công nghệ số; công tác lưu trữ điện tử, tạo lập hồ sơ công việc trên môi trường điện tử còn nhiều lúng túng, hiệu quả chưa cao.

b) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Những tồn tại, hạn chế nêu trên, ngoài những nguyên nhân mang tính khách quan, chủ yếu vẫn xuất phát từ những nguyên nhân mang tính chủ quan sau đây:

Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền không ít cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn chưa nhận thức thấu suốt về ý nghĩa, vai trò của công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; chưa quan tâm, thiếu sâu sát trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ, có trường hợp “khoán trắng” cho Cấp phó hoặc bộ phận tham mưu, giúp việc cải cách hành chính.

Tư duy, phương pháp tiếp cận, triển khai, thực hiện nhiệm vụ, thực thi công vụ của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, trong đó có Người đứng đầu và đội ngũ trực tiếp tham mưu cải cách hành chính vẫn theo lối mòn, trông chờ, ỷ lại vào sự chỉ đạo, điều hành, cầm tay chỉ việc của cấp trên mà chưa có sự chủ động nghiên cứu, đổi mới, tạo sự lan tỏa, dẫn dắt cải cách hành chính cho cả cơ quan, đơn vị. Công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị gắn với phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách

hành chính đối với Người đứng đầu chưa phát huy hiệu lực, hiệu quả trong việc tạo động lực, gây áp lực, thúc đẩy cải cách hành chính thực chất, đồng bộ.

Công tác giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính gắn với cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp phụ thuộc quá nhiều vào các quy định của Trung ương mà chưa có sự quan tâm đúng mức, chưa chủ động nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ hành chính dựa trên dữ liệu, công nghệ.

Công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hằng năm chậm đổi mới, chưa đáp ứng hiệu quả cho yêu cầu sử dụng kết quả đánh giá để làm cơ sở tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm vào các chức danh, chức vụ quản lý.

Hoạt động kiểm tra công vụ có lúc, có nơi còn biểu hiện chạy theo thành tích, số lượng mà chưa chú trọng đổi mới phương pháp, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính nhằm tạo được sự răn đe, áp lực cần thiết cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện, tự giác khắc phục triệt để tình trạng vi phạm quy định, văn hóa công vụ, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Các cơ quan quản lý, đơn vị sự nghiệp chưa chủ động nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp mang tính tổng thể để đổi mới, nâng cao năng lực hoạt động, năng lực cung ứng dịch vụ theo hướng tự chủ, thích ứng với yêu cầu của tình hình thực tế; vẫn còn tư duy trông chờ, ỷ lại vào sự trợ cấp ngân sách của nhà nước.

Dữ liệu là xương sống của chuyển đổi số; tuy nhiên, quá trình xây dựng, hình thành, vận hành các cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi phương thức hoạt động quản lý lên môi trường số còn gặp nhiều lúng túng, chưa phát huy hiệu quả trong thực tiễn. Công tác quản lý nhà nước đối với vấn đề trang bị, nâng cao kỹ năng số cho người dân thiếu sự quan tâm, định hướng việc thực hiện, dẫn đến phần lớn người dân không đủ trình độ hoặc không quen dùng kỹ năng số để tương tác với chính quyền trên môi trường điện tử, phổ biến nhất là tình trạng không thể tự sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

Cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính gắn với giải quyết thông suốt, nhanh chóng hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp là một trong những yêu cầu, điều kiện cần thiết mang tính cơ bản, tất yếu, khách quan để góp phần tạo ra cơ hội mới, động lực mới, khí thế mới thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình, giàu mạnh và thịnh vượng của dân tộc.

Công tác cải cách hành chính phải nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo định hướng thường xuyên của cấp ủy và sự chỉ đạo, điều hành sâu sát, quyết liệt của chính quyền, trực tiếp là Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương. Mức độ hiệu quả, chất lượng của công tác cải cách hành chính phụ thuộc tương ứng vào quyết tâm chính trị của Người đứng đầu và phẩm chất,

năng lực của đội ngũ công chức, viên chức trực tiếp tham mưu, đề xuất và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Công tác cải cách hành chính sẽ phát huy hiệu lực, hiệu quả thực chất nếu thực hiện đồng bộ, liên thông, chặt chẽ, kịp thời với công tác đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét thi đua, khen thưởng/phê bình, xử lý trách nhiệm, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

Cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính phải lấy chuyển đổi số làm động lực thúc đẩy, dựa trên công nghệ, dữ liệu. Việc đánh giá kết quả, chất lượng thực hiện cải cách hành chính phải đảm bảo thực chất; tập trung đánh giá kết quả, chất lượng sản phẩm, nhiệm vụ cụ thể, trực tiếp đóng góp giá trị vào việc cải thiện năng suất lao động, cải tiến chất lượng hoạt động của cơ quan, đơn vị và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; khắc phục tình trạng đánh giá chung chung, mang tính hình thức, dựa vào văn bản, giấy tờ.

Minh bạch hóa trên môi trường điện tử các quy trình, trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ là giải pháp để xử lý, khơi thông điểm nghẽn trong công tác phối hợp giải quyết công việc, khắc phục hiệu quả tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Những nhiệm vụ, giải pháp mang tính mới, có sự sáng tạo, đột phá thì mạnh dạn triển khai theo quan điểm vừa làm, vừa rút kinh nghiệm để làm cơ sở báo cáo, đề xuất các cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh chung cho cả nước.

Đổi mới công tác truyền thông cải cách hành chính. Phát huy vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ trang bị, nâng cao kỹ năng số người dân. Sử dụng công nghệ, dữ liệu để nâng cao hiệu quả công tác khảo sát và sử dụng kết quả khảo sát ý kiến người dân, doanh nghiệp để làm cơ sở cải thiện chất lượng phục vụ hành chính theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm của nhiệm vụ cải cách hành chính.

Phần thứ hai **ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẢI CÁCH** **HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026 – 2030**

1. Về cải cách thể chế

Không để có khoảng trống pháp luật trong công tác quản lý nhà nước dẫn đến phát sinh điểm nghẽn, làm lỡ thời cơ phát triển của địa phương. Việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định về cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương phải thực hiện ngay đồng bộ, hiệu quả, gắn với đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước theo

tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Đổi mới, tạo sự đột phá để thu hút đầu tư hiệu quả và tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, minh bạch, bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế; trong đó, chú trọng những lĩnh vực là đích nhắm động lực tăng trưởng mới của địa phương như: công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn, công nghiệp trí tuệ nhân tạo, công nghiệp an toàn, an ninh mạng...

Tiếp tục nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trong đó, chú trọng kiểm soát chặt chẽ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan đối với nhiệm vụ tham gia góp ý và nhiệm vụ tiếp thu nội dung tham gia góp ý đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ; xem xét trách nhiệm cụ thể đối với những trường hợp thiếu trách nhiệm trong việc tham gia góp ý hoặc chủ quan, duy ý chí trong việc tiếp thu, hoàn thiện văn bản dẫn đến chất lượng thấp, thiếu tính khả thi trong thực tiễn áp dụng thi hành.

Đổi mới, nâng cao chất lượng thực thi pháp luật gắn với công tác rà soát, công bố đầy đủ thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật; đơn giản hóa, minh bạch hóa quy trình, trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính nội bộ trên môi trường điện tử phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi.

Đa dạng hóa công tác truyền thông chính sách; tập trung cho đối tượng là người dân tại các khu dân cư trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên tổ chức đối thoại, tiếp công dân theo đúng quy định, nâng cao hiệu quả tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp nhằm giải quyết hoặc giải đáp kịp thời những ý kiến phản ánh, khó khăn, vướng mắc của người dân ở cơ sở.

2. Về cải cách thủ tục hành chính

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính phục vụ tốt nhất cho nhu cầu thiết yếu của người dân, nhu cầu sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục là nhiệm vụ trọng tâm của công tác cải cách hành chính.

Tiếp tục đổi mới, điều chỉnh việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại cấp xã, gắn với thực hiện hiệu quả cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính để vừa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng phục vụ hành chính cho người dân, doanh nghiệp, vừa đảm bảo yêu cầu sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nhân lực của chính quyền cấp xã để tập trung phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với tình hình thực tế ở từng địa phương.

Tạo sự đột phá thực chất trong việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp gắn với đẩy mạnh cải cách, phân cấp, ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính dựa trên chuyển đổi số, số hóa, dữ liệu và công nghệ; trong đó, đảm bảo 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh

nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, hiệu quả; 100% thủ tục hành chính không bị giới hạn bởi địa giới hành chính cấp tỉnh. Tập trung phát huy tối đa hiệu quả của công tác số hóa, tái sử dụng dữ liệu số hóa song song với xây dựng, tạo lập, kết nối, liên thông các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; hạn chế tối đa việc người dân phải khai báo, cung cấp thông tin, giấy tờ, tài liệu thành phần hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính gắn với cắt giảm thời gian giải quyết, số lượt đi/lại của người dân, doanh nghiệp.

Đổi mới công tác truyền thông cải cách thủ tục hành chính; chú trọng thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến, khắc phục tình trạng làm thay, làm hộ người dân. Thực hiện sơ kết, tổng kết Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2022 - 2027” và tiếp tục tham mưu, đề xuất nhiệm vụ cho Đoàn Thanh niên các cấp theo hướng lâu dài, ổn định.

Tập trung thực hiện hiệu quả công tác rà soát, công bố, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Chuyển đổi công tác quản lý việc thực hiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính nội bộ lên môi trường điện tử tương tự như quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp để tạo sự minh bạch, nâng cao hiệu quả của hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực thi quy trình.

3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, trực tiếp là người đứng đầu tập trung chỉ đạo, khẩn trương triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo các cơ quan, đơn vị, địa phương duy trì hoạt động ổn định, thông suốt sau khi hoàn thành công tác sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp; đồng thời, tiếp tục rà soát, nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện hơn nữa về tổ chức, bộ máy, khắc phục triệt để sự chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ và tạo sự thuận lợi trong công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực tế. Nghiên cứu việc sắp xếp, tổ chức lại mô hình hoạt động của các đơn vị sự nghiệp theo quy định của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Gắn công tác sắp xếp tổ chức bộ máy với sắp xếp, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4. Về cải cách chế độ công vụ

Tiếp tục thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thật sự liêm chính, có phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới, kỷ nguyên mới. Có giải pháp đổi mới công tác đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo thực chất, làm cơ sở cho việc sàng lọc, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về công tác cán bộ và chính sách cán bộ. Tăng cường phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với kiểm tra, giám sát. Chấn chỉnh tác

phong, lễ lễ làm việc, nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức với tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. Thực hiện nghiêm các quy định về tiêu chuẩn chức danh khi bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ; định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ chuyên môn theo quy định; nâng cao chất lượng hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

5. Về cải cách tài chính công

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính công, kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và chi đầu tư công. Triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí do ngân sách nhà nước phân bổ; nâng cao hiệu quả quản lý tài sản công, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực. Tiếp tục rà soát, thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; trong đó, cần tập trung thông tin, nắm bắt kịp thời tâm trạng, tư tưởng của đội ngũ viên chức, nhân viên, người lao động của các đơn vị để thống nhất về nhận thức và hành động. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định có liên quan của tỉnh nhằm tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức ngoài công lập tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trên các lĩnh vực theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Cụ thể hóa Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 139/NQ-CP ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, đảm bảo phù hợp, khai thác, tận dụng tối đa tiềm năng, thế mạnh của địa phương sau khi hoàn thành việc sáp nhập, sắp xếp đơn vị hành chính.

6. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ hiện đại hóa hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số; tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng cơ chế, chính sách, ưu tiên bố trí nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi cho ứng dụng, phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chú trọng những lĩnh vực là đích nhắm động lực tăng trưởng mới của địa phương như: công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn, công nghiệp trí tuệ nhân tạo, công nghiệp an toàn, an ninh mạng...; xây dựng chính sách thu hút và đãi ngộ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công nghệ thông tin các

cơ quan đảng, nhà nước và cơ chế đánh giá thi đua khen thưởng hoạt động của các cơ quan, đơn vị gắn với tiêu chí xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin; tiếp tục đầu tư nâng cấp, bổ sung hoàn thiện Trung tâm dữ liệu của tỉnh bảo đảm là trung tâm kết nối các hệ thống hạ tầng thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh; đẩy nhanh tiến độ xây dựng, cập nhật dữ liệu, số hóa các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia; hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu các cấp, các ngành để kịp thời phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, nhân dân tham gia khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Phần thứ ba **NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công và các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

2. Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể cách tính hỗ trợ chi thường xuyên cho ĐVSNCL tự đảm bảo một phần chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và xem xét, hướng dẫn cụ thể hơn việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị thuộc lĩnh vực giáo dục nhằm đảm bảo tính thống nhất khi thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

3. Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, xem xét, có ý kiến với các bộ ngành liên quan để cho phép địa phương được sở hữu dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình trên các CSDL quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các Kho dữ liệu số cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VNPT Bình Định, Bưu điện tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- TT. PVHCC; P.HCQT;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, CCKS^(Tr).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

Phụ lục 1
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số /UBND-CCKS ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến tháng 5)
1	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành	222	228	236	242	37
1.1	Văn bản của Tỉnh ủy, thành ủy, thị ủy, huyện ủy	10	8	11	7	2
1.2	Văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện	177	175	178	188	35
2	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm					
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	31	35	27	30	36
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	31	35	27	30	5
3	Kiểm tra CCHC					
3.1	Số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC	67	53	55	49	-
3.2	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	100%	100%	100%	100%	-
4	Tuyên truyền CCHC					
4.1	Tổ chức cuộc thi về CCHC (Có tổ chức = 1; Không tổ chức = 0)	1	1	1	1	
4.2	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài PT-TH tỉnh	25	133	193	149	
4.3	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC	1	8	4	3	
4.4	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Cổng TTĐT của tỉnh (Có xây dựng = 1; Không xây dựng = 0)	1	1	1	1	
4.5	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có).	2	2	2	2	
5	Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng	9	9	11	13	-
6	Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CCHC các cơ quan, đơn vị					
6.1	Bộ tiêu chí đánh giá sở, ngành	1	1	1	1	
6.2	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp huyện	0	0	0	0	
6.3	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp xã	4	4	4	4	
6.4	Bộ tiêu chí đánh giá cơ quan ngành dọc tại địa phương	0	0	0	0	
7	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức					
7.1	Số lượng dịch vụ đã khảo sát	1	1	1	1	
7.2	Hình thức khảo sát (Trực tuyến = 0, Phát phiếu = 1)	1	1	1	1	
7.3	Số lượng mẫu đã khảo sát	5000	4824	4824	5060	
7.4	Mức độ hài lòng chung					

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến tháng 5)
8	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp (Không=0, Có = 1)	1	1	1	1	
9	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao					
9.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	57	127	168	211	10
9.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	57	127	168	211	2
9.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn					
9.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành					

Phụ lục 2
Thống kê số liệu về lĩnh vực Cải cách thể chế
(Kèm theo Báo cáo số /UBND-CCKS ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến tháng 5)
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành		744	220	206	201	82
	Chia theo tên loại VBQPPL	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	39	41	41	45	2
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	90	92	90	95	32
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện	54	15	12	13	0
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	40	72	27	48	44
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã	429	0	15	0	1
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã	92	0	21	0	3
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL						
2.1	<i>Số VBQPPL đã kiểm tra thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh</i>		94	87	39	61	44
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra		0%	0%	0%	0%	0%
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra		0	0	0	0	0
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong		0	0	0	0	0
3	Rà soát VBQPPL						
3.1	<i>Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh</i>		102	82	95	156	34
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát		100%	100%	100%	100%	100%

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến tháng 5)
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	102	82	95	156	34
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	102	82	95	156	34
4	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền	10	02	0	04	0
5	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý	10	02	0	04	0
6	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật	0	0	0	01	0

Phụ lục 3
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính
(Kèm theo Báo cáo số /UBND-CCKS ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến tháng 5)
1	Thống kê TTHC					
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	52	37	34	29	-
1.2	<i>Số TTHC công bố mới</i>	160	126	53	363	53
1.3	<i>Số TTHC bãi bỏ, thay thế</i>	232	104	92	350	82
1.4	Tổng số TTHC của tỉnh	2059	2104	2039	1853	2048
1.4.1	<i>Số lượng TTHC cấp tỉnh</i>	1507	1551	1551	1465	1525
1.4.2	<i>Số lượng TTHC cấp huyện</i>	383	383	333	349	358
1.4.3	<i>Số lượng TTHC cấp xã</i>	169	170	155	173	165
2	Số lượng thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/ Trang Thông tin điện tử	2059	2104	2039	1853	2048
3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông					
3.1	Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp sở, ngành	1486	1530	1530	1853	1525
3.2	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện	379	379	329	1465	358
3.3	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã	166	167	152	349	165
3.4	Số TTHC liên thông cùng cấp	246	395	391	362	541
3.5	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	83	175	218	96	1526
3.6	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	-	-	-	9	9
4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC					
4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp tỉnh giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)	99,75%	99,95%	99,95%	99,96%	99,96%
4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp huyện giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả	98,91%	99,79%	99,86%	99,76%	99.65%

	đúng hẹn)					
4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hẹn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hẹn)	98,77%	99,70%	99,91%	99,85%	99,93%
5	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC					
5.1	Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm	111	93	330	423	100
5.2	Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm	111	93	330	423	100
5.3	Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Cổng TTĐT	111	93	330	423	100
6	Số hóa hồ sơ					
6.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	10%	22,9%	71,07%	99,39%	99,66%
6.2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	0%	0.023%	11,95%	49,86%	56,09%
6.3	Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử	0,005%	3,96%	90,13%	89,79%	76,4%

Phụ lục 4
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực Cải cách tổ chức bộ máy
(Kèm theo Báo cáo số /UBND-CCKS ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến tháng 5)
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy					
1.1.	Tham mưu ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan	-	-	-	-	-
1.2.	Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng các tiêu chí theo quy định.	-	-	-	-	-
1.3.	Ban hành thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo lĩnh vực, phạm vi quản lý	-	-	-	-	-
1.4.	Số tổ chức liên ngành do bộ, cơ quan thành lập hoặc được giao chủ trì thực hiện.	33	33	33	38	15
2	Số liệu về biên chế công chức					
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	2.205	2.205	2.187	2.162	2.127
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	2.114	2.072	2.035	1.984	1.938
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính thuộc và trực thuộc bộ, cơ quan	-	-	-	-	-
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	44	72	18	25	35
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	10,2	10,2	11,02	12,15	13,73
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập					
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	27.020	26.479	25.938	25.397	24.856
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	24.982	24.372	23.876	23.051	23.051
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	538	541	541	541	541
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	10,01	12,01	14,01	16,01	18,01

Phụ lục 5
Thông kê và so sánh số lượng tổ chức hành chính, sự nghiệp công lập
(Kèm theo Báo cáo số /UBND-CCKS ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

a) Số lượng, cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Giai đoạn	Số cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	Số Chi cục thuộc Sở	Số tổ chức cấp phòng thuộc sở (phòng, văn phòng, thanh tra thuộc Sở)	Số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp tỉnh	Ghi chú
2011-2020 (Thời điểm 31/12/2020)	20	17	120	8	
2021-2025 (Tính đến thời điểm báo cáo)	14	12	79	7	

b) Số lượng, cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Giai đoạn	Số UBND cấp huyện	Số CQCM thuộc UBND cấp huyện	Số văn phòng, thanh tra thuộc UBND cấp huyện	Số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	Ghi chú
Giai đoạn 2011-2020 (Thời điểm 31/12/2020)	11	135	22	606	
Giai đoạn 2021-2025 (Tính đến thời điểm báo cáo)	11	113	22	589	

c) Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực

Giai đoạn	Tổng số	Sự nghiệp GD-ĐT			Sự nghiệp y tế			Sự nghiệp VH,TDTT			Sự nghiệp khác		
		Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQ chuyên môn cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện	Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQ chuyên môn cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện	Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQ chuyên môn cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện	Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQ chuyên môn cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện
2011-2020 (Thời điểm 31/12/2020)	745	2	55	540	0	21	0	0	9	11	6	46	55
2021-2025 (Tính đến thời điểm báo cáo)	695	2	56	520	0	10	11	0	9	11	5	24	47

Phụ lục 6
Thông kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách chế độ công vụ
(Kèm theo Báo cáo số /UBND-CCKS ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến tháng 5)
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức					
1.1.	Ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý <i>(theo quy định tại Nghị định 62/2020/NĐ-CP)</i>	-	-	-	-	-
1.2.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	22	22	22	22	16⁶⁰
1.3.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	734	733	721	707	695
1.4.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	-	-	-	-	-
2	Tuyển dụng công chức, viên chức					
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	-	-	-	-	-
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	302	694	932	1198	5
2.3.	Số công chức được tuyển dụng theo nghị định số 140/2017/NĐ-CP và Nghị định số 179/2024/NĐ-CP)	-	-	-	-	-
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển					
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).					
4.1.	Số lãnh đạo cấp bộ bị kỷ luật.	-	-	-	-	-
4.2.	Số lãnh đạo cấp vụ, cục, tổng cục thuộc bộ bị kỷ luật.	-	-	-	-	-
4.3.	Số lãnh đạo của các tổ chức bên trong các vụ, cục, tổng cục thuộc bộ, cơ quan bị kỷ luật.	-	-	-	-	-
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSN bị kỷ luật.	41	50	71	55	1
5	Số lượng viên chức được bồi dưỡng, tập huấn hằng năm	725	4827	2541	2589	
6	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng	10	52	35	32	

⁶⁰ Trước khi sắp xếp có 22/22 cơ quan đã được phê duyệt (bao gồm 20 cơ quan chuyên môn và 02 tổ chức hành chính khác là BQL KKT tỉnh và VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh)

Phụ lục 7
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tài chính công
(Kèm theo Báo cáo số /UBND-CCKS ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến tháng 5)
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	174,9	140,4	115,8	127,3	18,3
1.1.	Kế hoạch được giao	5.526.420	8.532.850	8.916.830	8.838.329	9.498.323
1.2.	Dự kiến thực hiện	9.666.839	11.979.586	10.293.229	11.406.524	1.739.790
2	Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực quản lý của bộ (theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP)	13	13	13	14	14
3	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) thuộc bộ, cơ quan (lũy kế đến thời điểm báo cáo)					
3.1.	Tổng số ĐVSN thuộc bộ, cơ quan	737	737	738	725	725
3.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	6	8	8	8	8
3.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	39	38	38	38	38
3.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	261	197	202	203	203
3.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên			10	11	11
3.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên			30	29	29
3.4.3.	Số ĐVSN tự bảo			162	163	163

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến tháng 5)
	đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên					
3.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	431	494	490	476	476

Phụ lục 8
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực Xây dựng và phát triển Chính quyền
điện tử, Chính quyền số
(Kèm theo Báo cáo số /UBND-CCKS ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản mới nhất	Phiên bản 2.0 (Quyết định số 5360/QĐ-UBND ngày 29/12/2020)	Phiên bản 2.0 (Quyết định số 5360/QĐ-UBND ngày 29/12/2020)	Phiên bản 2.0 (Quyết định số 5360/QĐ-UBND ngày 29/12/2020)	Phiên bản 2.0 (Quyết định số 5360/QĐ-UBND ngày 29/12/2020)	- Phiên bản 3.0 (Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 09/01/2025) - Đang tiến hành cập nhật phiên bản 4.0 theo Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25/03/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ
2	<i>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</i>	100%	100%	100%	100%	100%
3	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của bộ, cơ quan (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử).</i>	100%	100%	100%	100%	100%
54	Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của bộ, cơ quan					
54.1.	Xây dựng Hệ thống thông tin một cửa điện tử	x	x	x	x	x
54.2.	Hệ thống thông tin một cửa điện tử đã kết nối liên thông với	x	x	x	x	x

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
	100% đơn vị có chức năng giải quyết TTHC thuộc bộ, cơ quan (các Vụ, Cục, Tổng cục,...)					
5	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến					
65.1.	Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	95.99%	73.23%	52.36%	57.88%	59.00%
65.1.1.	<i>Tổng số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến</i>	1247	1240	1778	1695	1695
65.1.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình</i>	1197	908	931	981	1000
65.1.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	274	280	300	377	140
65.2.	Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần	4.18%	36.56%	90.98%	72.78%	69.50%
65.2.1.	<i>Tổng số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến</i>	1247	1240	1178	1695	1695
65.2.2.	<i>Số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần</i>	50	332	847	714	695
65.2.3.	<i>Số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	13	80	220	330	193
65.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	86,95%	60,80%	80,87%	100%	100%
65.3.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp dịch vụ</i>	345	1240	1778	1695	1695

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
	<i>công trực tuyến toàn trình, một phần</i>					
65.3.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình, một phần đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	300	754	1438	1695	1695
65.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến	10.00%	21.91%	50.96%	95.52%	96.30%
65.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	463179	588972	518113	531409	111738
65.4.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	46310	129038	264048	507605	107606
65.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	100%	100%	100%	100%	100%
65.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	599	651	558	1823	1823
65.5.2.	<i>Số TTHC đã được triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của bộ, cơ quan.</i>	599	651	558	1823	1823

Phụ lục 9
Các văn bản thể chế hóa việc triển khai, thực hiện chuyển đổi số
từ 2021 đến nay
(Kèm theo Báo cáo số /UBND-CCKS ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

TT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Đơn vị ban hành	Trích yếu văn bản
1	Nghị quyết	05-NQ/TU	20/9/2021	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
2	Quyết định	429/QĐ-UBND	03/02/2021	UBND	Về việc phê duyệt kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và các dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Bình Định năm 2021
3	Kế hoạch	96/KH-UBND	23/9/2021	UBND	Về việc hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh
4	Quyết định	60/2021/QĐ-UBND	07/10/2021	UBND	Về việc ban hành Quy chế khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định
5	Kế hoạch	107/KH-UBND	19/10/2021	UBND	Triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức và đào tạo nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn tỉnh
6	Kế hoạch	111/KH-UBND	24/10/2021	UBND	Về việc thực hiện Chương trình “Sóng và máy tính cho em” trên địa bàn tỉnh
7	Quyết định	5151/QĐ-UBND	23/12/2021	UBND	Về việc ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Định (phiên bản 1.0)
8	Quyết định	5183/QĐ-UBND	27/12/2021	UBND	Về việc ban hành mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định
9	Quyết định	107/QĐ-	11/01/2022	UBND	Về việc ban hành Kế hoạch triển

TT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Đơn vị ban hành	Trích yếu văn bản
		UBND			khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định
10	Quyết định	347/QĐ-UBND	27/01/2022	UBND	Về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Bình Định
11	Quyết định	888/QĐ-UBND	21/3/2022	UBND	Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định
12	Kế hoạch	39/KH-UBND	25/4/2022	UBND	Về chuyển đổi số năm 2022 của tỉnh Bình Định
13	Quyết định	51/2022/QĐ-UBND	16/8/2022	UBND	Về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Bình Định
14	Kế hoạch	59/KH-UBND	25/4/2022	UBND	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
15	Quyết định	1253/QĐ-UBND	18/4/2022	UBND	Về việc ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bình Định
16	Kế hoạch	66/KH-UBND	04/5/2022	UBND	Về triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Bình Định
17	Kế hoạch	72/KH-UBND	11/5/2022	UBND	Về chuyển đổi số trên lĩnh vực Thông tin và Truyền thông năm 2022
18	Kế hoạch	77/KH-UBND	27/5/2022	UBND	Về triển khai Tổ công nghệ số cộng

TT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Đơn vị ban hành	Trích yếu văn bản
					đồng trên địa bàn tỉnh Bình Định
19	Kế hoạch	95/KH-UBND	07/7/2022	UBND	Về chuyển đổi số trong ngành Giáo dục tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030
20	Kế hoạch	127/KH-UBND	17/9/2022	UBND	Về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định
21	Kế hoạch	138/KH-UBND	18/10/2022	UBND	Về triển khai Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định
22	Kế hoạch	156/KH-UBND	06/11/2022	UBND	Về triển khai thực hiện Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng, giai đoạn 2022-2025” trên địa bàn tỉnh Bình Định
23	Quyết định	423/QĐ-UBND	17/02/2023	UBND	Về kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh
24	Kế hoạch	44/KH-UBND	10/3/2023	UBND	Về chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025
25	Chỉ thị	02/CT-UBND	03/4/2023	UBND	Về phát động phong trào thi đua thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025
26	Kế hoạch	67/KH-UBND	06/4/2023	UBND	Về phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030
27	Quyết định	1901/QĐ-UBND	30/5/2023	UBND	Ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Bình Định

TT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Đơn vị ban hành	Trích yếu văn bản
28	Quyết định	2268/QĐ-UBND	22/6/2023	UBND	Ban hành Bộ chỉ số (KPI) để giám sát và đo lường quá trình xây dựng và phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Định (Phiên bản 1.0)
29	Quyết định	3119/QĐ-UBND	21/8/2023	UBND	Về việc bổ sung, điều chỉnh, ngừng sử dụng mã định danh điện tử các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh
30	Kế hoạch	147/KH-UBND	28/8/2023	UBND	Về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định
31	Kế hoạch	166/KH-UBND	16/10/2023	UBND	Về cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2025
32	Quyết định	4466/QĐ-UBND	01/12/2023	UBND	Phê duyệt danh mục 42 mô hình thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Bình Định
33	Quyết định	540/QĐ-UBND	07/02/2024	UBND	Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh trong năm 2024
34	Kế hoạch	33/KH-UBND	23/02/2024	UBND	Về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024
35	Quyết định	540/QĐ-UBND	07/02/2024	UBND	Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh trong năm 2024

TT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Đơn vị ban hành	Trích yếu văn bản
36	Kế hoạch	95/KH-UBND	14/5/2024	UBND	Về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số, giai đoạn 2024 – 2025
37	Kế hoạch	109/KH-UBND	29/5/2024	UBND	Về thực hiện Đề án “Kiến toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
38	Quyết định	2189/QĐ-UBND	21/6/2024	UBND	Về việc bổ sung mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định.
39	Nghị quyết	21/2024/NQ-HĐND	27/9/2024	HĐND tỉnh	Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thôn tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi của tỉnh Bình Định
40	Quyết định	3565/QĐ-UBND	12/10/2024	UBND tỉnh	Ban hành Khung danh mục nhiệm vụ thực hiện chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp
41	Quyết định	90/2024/QĐ-UBND	20/12/2024	UBND tỉnh	Ban hành Quy chế phối hợp quản lý, vận hành Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Bình Định
42	Quyết định	77/QĐ-UBND	09/01/2025	UBND tỉnh	Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số
43	Quyết định	232/QĐ-UBND	17/01/2025	UBND tỉnh	Phê duyệt Đề án Xây dựng Kho dữ liệu số thông minh tỉnh Bình Định
44	Kế hoạch	18/KH-UBND	22/01/2025	UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định